

# CHỮ KINH TẬP YẾU

## QUYỂN 4

### PHẦN THỨ 4: NHẬP ĐẠO

- Duyên thuật ý.
- Duyên vui buồn.
- Duyên xuất gia.
- Duyên dẫn chứng.

#### *Thứ 1: trình bày về duyên ý*

Ví như do duyên mà giả có, căn cơ thấp kém của chúng sanh, pháp vốn không như vậy, cho đến nhập vào lý vi diệu, là do ba cõi, sáu đường tạo nghiệp chướng mà tự mê mờ. Tám giải thoát, mười trí, tôn kính quay về tông chỉ mà được thông suốt. Do đó, Đức Phật tùy theo nhân duyên ban bố giáo pháp, lo cho ngôi nhà lửa đã bị cháy, tổn hại sẽ lưu lại muôn đời. Cho nên thác sanh vào cung của vua Bạch Tịnh, hiện sắc thân màu vàng, ở trong đó càng tăng ba hoặc, thấy rõ cảnh trong cung là giả dối. Người liền đi ra bốn cửa thành, nhằm chán cảnh phù du dễ tan hoại, mà tự than rằng, đời này sao lại mong manh đổi thay như vậy. Đến cung Thiên vương dẫn con ngựa trắng vượt thành, đưa mũ báu cho sứ giả để lại trong cung, cởi bỏ hài lại, đi tìm chân lý, sự việc là như vậy. Dù quan Đại tiêu đã thừa trình các hoàng tử đều biết nhưng vẫn để ngoài tai mà đến núi Ky, Trang Chu dẫn từ đầu đến cuối dòng nước, mới từ bỏ được tục. Đâu có dám khinh thường Người, khiến hâm mộ người có đức, đoạn trừ ác để lập thân. Được sự tôn kính thì tự mình lắng sạch mà tu thiện, phá hủy thân hình để thành tựu chí nguyện, nên cạo bỏ râu tóc, hình tướng đẹp của thế tục, biến tục để hợp với đạo, xả bỏ xe vua, áo gấm hoa. Tuy hình tướng tỏ ra thân cận nhưng trong lòng muốn bỏ đi sự hiếu kính nối ngôi làm vua, nhưng trong tâm vẫn giấu kín ân đó. Thấy rõ được thân thù là thành tựu thuận lợi lớn, đầy đủ phước đức soi tỏ nơi tối tăm, đâu câu nệ việc nhỏ sai trái. Bậc thượng trí theo lời

dạy của Phật mà được lợi ích, kẻ phàm phu phụ lời dạy của bậc Thánh nên bị tổn hại. Sửa đổi những xấu ác thì người hoàn toàn trong sạch, siêng năng làm thiện thì thấu đạt, cảm hóa được mọi người. Cho nên, những vị tiên ở núi trước đó bỏ làm quan mà đến thiền định bên sông, rồi đi theo con đường khổ hạnh, dùng nước sạch tắm gội toàn thân quý, đến dưới cây thọ thực ở nơi đạo tràng, được cúng dường cơm cháo và toà cỏ. Ấy là mười trí lực viên mãn và sáu thần thông trong quyển Ma binh điện mà thành tựu đạo Chánh giác.

### ***Thứ 2: Duyên hân hoan và nhàm chán***

Như trong kinh Văn Thù Sư Lợi dạy: Tất cả công đức không bằng tâm của người xuất gia. Vì sao? Vì người tại gia có nhiều hoạn nạn, người xuất gia có vô lượng công đức. Người tại gia bị các chướng ngại, người xuất gia không có chướng ngại. Người tại gia ở nơi cấu uế, người xuất gia ở nơi trong sạch. Người tại gia bị chìm đắm trong bùn tham dục, người xuất gia ra khỏi bùn tham dục. Người tại gia là theo pháp của người ngu, người xuất gia xa lìa pháp của người ngu. Người tại gia không được mạng sống chơn chánh, người xuất gia có mạng sống chơn chánh. Người tại gia ở trong lo buồn khổ não, người xuất gia ở nơi chỗ an vui. Người tại gia ở chỗ phiền não trôi buộc, người xuất gia ở chỗ giải thoát. Người tại gia ở chỗ bị tổn hại, người xuất gia chẳng ở nơi tổn hại. Người tại gia bị khổ của tham lợi, người xuất gia không bị khổ của tham lợi. Người tại gia ở chốn ồn náo, người xuất gia ở nơi vắng lặng. Người tại gia ở chốn thấp kém, người xuất gia ở nơi tối thắng. Người tại gia bị phiền não thiêu đốt, người xuất gia diệt hết lửa phiền não. Người tại gia thường vì thân mình, người xuất gia luôn vì người khác. Người tại gia lấy khổ làm vui, người xuất gia lấy xa lìa làm vui. Người tại gia tăng thêm gai góc, người xuất gia diệt hết gai góc. Người tại gia thành tựu pháp nhỏ, người xuất gia thành tựu pháp lớn. Người tại gia không được sự diệu dụng của pháp, người xuất gia được sự diệu dụng của pháp. Người tại gia hủy nhục ba thừa, người xuất gia tán thán ba thừa. Người tại gia không biết đủ, người xuất gia thường biết đủ. Người tại gia ma vương thương nhớ, người xuất gia làm cho ma vương sợ. Người tại gia nhiều buông lung, người xuất gia không buông lung. Người tại gia làm người giúp việc, người xuất gia làm chủ người. Người tại gia ở nơi đen tối, người xuất gia ở nơi sáng suốt. Người tại gia ở nơi tăng nhiều kiêu mạn, người xuất gia ở nơi diệt trừ kiêu mạn. Người tại gia ít phước báo, người xuất gia có nhiều phước báo. Người tại gia nhiều dua nịnh,

người xuất gia tâm ngay thẳng. Người tại gia thường bị sầu khổ, người xuất gia thường được vui vẻ an lạc. Người tại gia là pháp hư dối, người xuất gia là pháp chơn thật. Người tại gia nhiều tán loạn, người xuất gia không có tán loạn. Người tại gia ở nơi chốn lưu chuyển, người xuất gia chẳng bị lưu chuyển. Người tại gia như thuốc độc, người xuất gia như nước cam lồ. Người tại gia bỏ mất tư duy bên trong, người xuất gia thì được tư duy bên trong. Người tại gia không có nơi trở về, người xuất gia có nơi quay về. Người tại gia có nhiều giận dữ, người xuất gia có nhiều hạnh từ bi. Người tại gia bị gánh nặng, người xuất gia bỏ đi gánh nặng. Người tại gia có nhiều lỗi lầm, người xuất gia không có tội lỗi. Người tại gia bị lưu chuyển trong sanh tử, người xuất gia lại có giới hạn. Người tại gia lấy tài vật làm quý giá người xuất gia lấy công đức làm vật báu. Người tại gia thuận theo dòng sanh tử, người xuất gia ngược dòng sanh tử. Người tại gia là biển lớn phiền não, người xuất gia là con thuyền lớn. Người tại gia bị trói buộc, người xuất gia xa lìa sự trói buộc. Người tại gia hoàn thành pháp của vua, người xuất gia thành tựu pháp Phật. Người tại gia dễ có bạn bè, người xuất gia khó ở lâu với bạn bè. Người tại gia dùng sự thương hại làm trên hết, người xuất gia lấy sự dạy bảo làm tối thắng. Người tại gia tăng trưởng phiền não, người xuất gia xa lìa phiền não. Người tại gia ở trong rừng gai, người xuất gia ra khỏi rừng gai. Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu ta chê bai tại gia mà tán thán xuất gia nói đầy cả hư không, chẳng cùng tận. Đây gọi là tai họa của người tại gia và công đức của người xuất gia.

Lại trong kinh Niết Bàn dạy: Người tại gia trói buộc như địa ngục, là nhân sanh ra các phiền não, người xuất gia rộng lớn như hư không là nhân tăng trưởng các pháp lành. Người tại gia trong lòng lo nghĩ về vợ con, bên ngoài xã hội thì lo việc quân dịch, nếu giàu sang thì buông lung phóng túng, nếu nghèo cùng thấp kém đói khát cơ hàn, mất ý chí, việc chung hay riêng đều chăm chỉ lo nghĩ, bận rộn công việc đâu có nhàn rỗi mà tu đạo.

Trong kinh Ưc Già Trưởng Lão dạy: Người tại gia có nhiều phiền não trói buộc bởi ân ái cha mẹ vợ con, thường nhớ nghĩ về tài sắc, tham cầu không nhàm chán, được rồi thì giữ gìn cũng nhiều lo sợ, nên lưu chuyển trong sáu đường, trái với pháp Phật, đã gây ra oán thù, nhớ nghĩ về ác tri thức. Vì thế, nên nhàm chán đời sống tại gia, sanh tâm xuất gia. Không có người tại gia nào tu tập đạo Vô thượng Bồ đề mà chỉ do người xuất gia mới đạt quả vị Vô thượng Bồ đề.

Trong kinh Công Đức Xuất Gia dạy: Nếu cho nam nữ, nô tỳ, nhân

dân xuất gia thì được vô lượng công đức. Ví như cúng dường một trăm năm cho bậc A-la-hán không bằng người vì Niết bàn mà trọn ngày đem xuất gia thọ giới thì được vô lượng công đức. Ví như xây dựng tháp bảy báu cao bằng cõi trời ba mươi ba cũng không bằng công đức của người xuất gia. Trong kinh Đại duyên dạy: Nhờ một ngày đêm xuất gia nên suốt hai mươi kiếp không rơi vào đường ác. Lại trong luật Tăng kỳ dạy: Nhờ một ngày đêm xuất gia tu tập phạm hạnh mà thoát khỏi nạn khổ ba đường trong sáu trăm sáu ngàn sáu mươi năm. Lại trong kinh Xuất gia công đức dạy: Nếu ai làm khổ, gây trở ngại ngăn cấm người xuất gia thì người ấy đoạn mất hạt giống của Phật, nhóm họp các tội ác. Ví như biển lớn hiện ra các bệnh hải, khi chết đọa vào địa ngục tối tăm không thể mong cầu ra khỏi: Trong kinh Ca Diếp dạy: Bảy giờ, những thái tử của đại vương nghe người xuất gia có thật nhiều công đức nên đều phát tâm xuất gia, khắp thiên hạ không có một người cư sĩ, tất cả đều phát tâm mong cầu xuất gia. Các chúng sanh ấy đi xuất gia rồi, không cần gieo trồng hạt giống xuống đất mà lúa gạo tự sanh, các cây tự nhiên sanh ra nhiều loại áo quần, các chư thiên cung cấp hầu hạ. Lại trong kinh Phật tạng dạy: Phải nhất tâm hành đạo, thuận theo pháp mà tu tập, chớ nhớ nghĩ cơm áo gạo muối. Những thứ cần dùng thì chỉ một phần tướng lông trắng của Như Lai cung cấp cho tất cả đệ tử xuất gia qua nhiều đời cũng không hết. Trong kinh Hiền ngu dạy: Như một trăm người mất mù, nếu có một bác sĩ giỏi thì có thể trị mắt cho những người ấy sáng mắt cùng một lúc. Lại có một trăm người có tội phải móc mắt, nếu người có năng lực thì sẽ cứu họ thoát khỏi tội bị móc mắt. Hai người này tuy công đức vô lượng nhưng không bằng dạy bảo người xuất gia và tự mình xuất gia, phước đức ấy rất rộng lớn.

### ***Thứ 3: Duyên xuất gia***

Theo luật, khi mới xuất gia trước phải thỉnh hai vị thầy, một là Hòa thượng, hai là A-xà-lê. Trong luận Tát-bà-đa dạy: Nếu trước thỉnh Hòa thượng thọ mười giới, Hòa thượng không có mặt cũng thành tựu mười giới. Nếu nghe Hòa thượng tịch thì thọ giới không thành tựu, nếu không nghe thì vẫn đắc giới. Vị A-xà-lê cũng vậy. Trong kinh Thanh Tín Sĩ Độ Nhơn dạy: Nếu muốn xuống tóc, trước phải rưới nước hương rộng bảy thước nơi chỗ tóc rơi, bốn góc treo cờ, lập một tòa cao để người xuất gia ngồi, lại cúng dường hai tòa tối thắng để dành hai vị thầy ngồi. Người muốn xuất gia, trước mặc áo quần thể tục để lễ bái cha mẹ, bà con, dùng kệ thưa:

*Litu chuyển trong ba cõi  
 Ân ái không thể thoát  
 Bỏ ân vào Vô vi  
 Người chân thật báo ân.*

Nói kệ xong, cởi bỏ y phục thế tục. Trong luật Thiện kiến dạy: Phải dùng nước hương tắm rửa để trừ mùi cơ sĩ. Trong kinh Độ hờn dạy: Tuy mặc y xuất gia nhưng chỉ mang Nê hoàn tăng và Tăng kỳ chi, chưa được đắp ca sa. Khi vào trong đạo tràng nên đến quỳ trước Hòa thượng. Vị Hòa thượng nên nhớ nghĩ như con, không sanh tâm thấp xấu. Đệ tử đối với Hòa thượng như cha, tôn kính cúng dường. Hòa thượng thuyết pháp thật đầy đủ và khuyến khích đệ tử, rồi đến trước vị A-xà-lê. Trong luận Thiện kiến dạy: Dùng nước hoa dội trên đỉnh đầu, dùng kệ tán thán:

*Lành thay! Đại trượng phu  
 Hiểu đời là vô thường  
 Bỏ tục hướng Niết bàn  
 Công đức khó nghĩ bàn.*

Nói kệ xong, bảo lay chư Phật mười phương, lại dùng kệ khen ngợi:

*Qui y Đại Thế tôn  
 Vượt khổ trong ba cõi  
 Cũng nguyện cho chúng sanh  
 Đều được vào Vô vi.*

Nói kệ này rồi, sau đó vị A-xà-lê mới cho xuống tóc. Trong kinh Độ hờn dạy: Khi cho xuống tóc, người ngồi bên cạnh tụng chú Xuất gia:

*Bỏ hình giữ chí tiết  
 Trừ ái không thân sơ  
 Bỏ nhà truyền đạo Thánh  
 Nguyện cứu độ muôn loài.*

Khi cho xuống tóc, nên để lại một chỏm tóc, đến quỳ trước Hòa thượng. Hòa thượng hỏi: Hôm nay, người có chịu cắt bỏ chỏm tóc đó không?

Thưa: Dạ vâng.

Sau đó, Hòa thượng cho mặc áo cà sa. Khi mặc phải ngay ngắn. Theo luận Thiện kiến lại dùng kệ tán thán:

*Lành thay! Áo giải thoát  
 Y phước điền vô tướng*

*Phụng trì các giới hạnh  
Nguyện độ các chúng sanh .*

Trong kinh Độ nơn dạy: Đã mặc áo cà sa rồi lễ Phật, người mới xuất gia theo sau nhiều ba vòng, lại tự nói kệ:

*Sanh vui mừng thọ nhận  
Lành thay gặp được Phật  
Ai là người không vui  
Phước nguyện cùng tụ hội  
Nay con được pháp lợi.*

Người mới xuất gia nhiều quanh rồi, đánh lễ đại chúng và hai vị thầy, sau đó lui về ngồi ở dưới, thọ nhận lễ bái của sáu thân, xuất gia tâm lia tục, thường vui vẻ, cha mẹ và người thân đều lễ lạy, vui mừng ý đạo, đó là cách tốt nhất trước khi xuống tóc, khiến được nhất tâm chuyên chú. Trong luận Tỳ ni mẫu dạy: Cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa rồi, sau đó Hòa thượng cho thọ Tam quy, Ngũ giới.

#### ***Thứ 4: Duyên dẫn chứng***

Như trong kinh Tạp Báo Tạng dạy: Xưa kia, có một phụ nữ đoàn chánh rất đẹp, ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu tập. Khi ấy, có người hỏi: Nhan sắc như vậy nên ở đời, sao lại xuất gia?

Người nữ đáp: Như nay, tôi xinh đẹp, do đã chán ngán một tí dâm dục nên mới xuất gia. Khi ta còn ở đời, do xinh đẹp nên sớm lấy chồng, sanh được chú bé. Khi đứa trẻ lớn lên đẹp không ai bằng, nhưng luôn thấy gầy yếu như người bệnh. Ta liền hỏi: Con bị bệnh gì? Nhưng đứa con không chấp nhận. Vì hỏi mãi không dứt, người con không im lặng được, nên thưa mẹ: Nếu con không có đạo sợ sẽ mất mạng, tu sửa tham dục thì chính là đạo không cần nhan sắc, liền thưa với mẹ: Con muốn mẹ đổi tình cảm riêng tư, do không được nên con mắc bệnh như vậy. Người mẹ liền nói: Từ xưa đến nay đâu có việc này, lại nghĩ mà nói: Nếu ta không theo ý của con thì nó sẽ chết, nay thà trái với lý mà để cứu mạng con ta. Liền bảo, sẽ tùy theo ý con. Người con bỗng trên giường té xuống đất tan nát. Lúc ấy, thân con ta phát ra ngọn lửa, nhập vào địa ngục. Ta quá hoảng sợ dùng tay kéo, nắm được tóc con ta. Do đó, hôm nay ta nhớ hoài, linh cảm mãi việc ấy trong lòng, nên xuất gia.

Lại trong luận Trí độ dạy: Người xuất gia trong pháp Phật, tuy phá giới, phạm tội, khi tội hết thì được giải thoát. Như trong kinh Ưu Bát La Hoa Tỳ Kheo Ny Bốn Sanh dạy: Khi Phật còn tại thế, Tỳ-kheo ni này được sáu thông, chứng quả A-la-hán, thường vào nhà sang giàu

tán thân pháp xuất gia, bảo với những phụ nữ giàu có rằng: Các chị nên xuất gia.

Các người ấy nói: Chúng tôi còn trẻ, lại xinh đẹp nên trì giới khó, hoặc bị phá giới.

Tỳ-kheo ni nói: Phá giới thì phá nhưng cứ xuất gia.

Lại hỏi: Phá giới bị đọa địa ngục, sao lại phá giới?

Đáp: Đọa địa ngục thì đọa!

Những người ấy cười mà nói: Địa ngục chịu tội, sao lại vào đó?

Tỳ-kheo ni nói: Ta tự nhớ nghĩ, đời trước ta hay hý lộng, mặc nhiều thứ y phục, nói năng lắm lời, khi đắp y Tỳ-kheo lại nói cười nhiều. Vì thế, ở thời Phật Ca Diếp làm Tỳ-kheo ni, sanh trong dòng họ tôn quý, đọan chánh, nên tâm kiêu mạn phá giới cấm, do đó rơi vào địa ngục chịu vô lượng tội. Khi hết tội thì lại gặp Đức Phật Thích Ca nên đắc quả A-la-hán, dù phá giới mà vẫn đắc đạo quả, lại được theo Phật ở Kỳ-hoàn. Có một Bà-la-môn say sưa, đến chỗ Phật xin làm Tỳ-kheo. Đức Phật bảo A Nan cho xuống tóc, mặc pháp y. Khi tỉnh rượu hoảng sợ, tự thấy thân mình bỗng nhiên là Tỳ-kheo, liền bỏ chạy. Các Tỳ-kheo thưa Phật: Vì sao lại cho Bà-la-môn say đó làm Tỳ-kheo?

Đức Phật dạy: Bà-la-môn say kia trong vô lượng kiếp đều không có tâm xuất gia. Hôm nay, do say nên chợt phát chút tâm, nhờ nhân duyên này, nên sau này sẽ xuất gia thành đạo. Từ các nhân duyên như vậy, nên biết lợi ích của người xuất gia có vô lượng công đức. Vì thế, cứ sĩ tuy có năm giới cũng không bằng công đức lớn của người tại gia.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Xưa kia, trong thành Lư Lưu có vua Ưu Đà Tiện, trí tuệ lớn thông minh, thấu suốt. Có phu nhân tên Hữu Tướng, đọan chánh đức hạnh ít ai bằng, vua rất thương yêu. Thuở ấy, theo quốc pháp, các vua không tự gảy đàn cầm. Bấy giờ, phu nhân trong nhà nhỏ cùng vua vui chơi, ý vua sủng ái, nên bảo vua đàn cầm còn mình nhảy múa. Khi mới đưa tay nhà vua lộ rõ tướng lành, thấy tướng sắp chết của phu nhân hiện ra, mạng sống còn không quá bảy ngày. Vua liền bỏ đàn xuống, thở dài.

Phu nhân thưa vua: Nhờ ân sủng của vua nên mới dám ở nơi nhà vắng xin vua đánh đàn còn thiếp nhảy múa để được vui vẻ, có gì không thích mà trầm bỏ đàn thở dài, xin được dạy bảo?

Vua không chịu trả lời, cứ an ủi mãi, vua mới trả lời sự thật

Phu nhân nghe vậy thật lo sợ, thưa vua: Thiếp nghe Tỳ-kheo Thạch Thất nói: Nếu có lòng tin xuất gia chỉ trong một ngày chắc chắn được sanh cõi trời. Thiếp muốn xuất gia xin trầm cho phép chăng?

Vua yêu thương quá sâu nặng, nên bảo với phu nhân: Qua hết sáu ngày, sẽ cho phu nhân đi. Họ cùng nhau tâm đầu ý hợp, đến hết ngày thứ sáu vua bảo phu nhân: Thiếp có tâm tốt xin đi xuất gia nếu được sanh cõi trời chắc chắn gặp ta thì ta mới cho đi, phát nguyện rồi, phu nhân được phép xuất gia, thọ tám trai giới. Trong ngày ấy, tự dặn lòng chỉ uống đường mật, đến sáng ngày thứ bảy liền qua đời. Nhờ nhân duyên lành này được sanh lên cõi trời, nhờ lời thề xưa nên đến chỗ vua, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp cung vua.

Khi ấy, vua hỏi: Người là ai?

Thiên nữ trả lời: Ta là tướng phu nhân, vợ của người.

Nhà vua vui mừng, nói: Xin đến ngồi đây!

Thiên nữ trả lời: Ngày nay, ta thấy người hôi dơ không thể đến gần, nhưng do lời thề xưa nên đến gặp người.

Nhà vua nghe rồi tâm ý khai mở, tự khen: Hôm nay, vị thiên nữ đó xưa là vợ ta, chỉ xuất gia một ngày mà được sanh lên cõi trời, thân thông cao vời mà còn thấy kẻ thấp hèn. Hôm nay, vì có gì mà ta không xuất gia? Ta từng nghe nói: Một ngón tay của vị trời khắp cả Diêm phù đề, cõi nước này của ta đâu đáng gì để tham! Nói xong liền bỏ ngôi vị, con cái, đi xuất gia, tu đạo, chứng quả A-la-hán.

Trong luận Trí độ, nói kệ:

*Không tức thân trang nghiêm đủ sắc,*

*Không bằng nhận hạc bay cao xa.*

*Cư sĩ có thể lực giàu sang,*

*Không bằng công đức của xuất gia.*

Trong kinh Tạp Thí Dụ dạy: Ngày xưa có hai anh em đứng đầu có nhiều thế lực, giàu sang của cải vô lượng, cha mẹ qua đời không có nơi nương tựa, tuy là anh em nhưng ý nghĩ khác nhau. Người anh thích bàn luận về đạo, người em ưa thích làm việc thế gian. Người em thấy anh không lo việc gia đình, nên thường hận trách móc: Cùng là anh em, cha mẹ đã mất sớm thì nên siêng năng tìm kế sinh sống, thế mà lại bỏ đi tìm cầu Sa-môn, lãnh thọ kinh Phật, Sa-môn đâu có thể cho anh cơm áo, tài của? Nên nhà càng ngày càng khốn cùng, thiếu hụt, bị người chê cười, bỏ phế nhà cửa, đáng ra phải thừa kế cha mẹ mới gọi là hiếu. Anh lại bảo: Trì năm giới, mười giới, cúng dường Tam bảo, đem đạo giáo hóa bà con mới là hiếu. Đạo tục trái nhau, đó là điều tất nhiên, chỗ xấu ác của là chỗ an vui của đạo. Nơi tục cho là ngọc quý, thì đạo xem là thấp kém. Trí tuệ và ngu si không đồng như sáng và tối. Vì thế, người trí bỏ tối tìm sáng, đạt được đạo chơn thật. Nay em cho chỗ vui ấy chính



là nơi hư dối, khổ não mà đâu có biết, Người em ấy nổi giận, cứng đầu không tin.

Người anh thấy vậy, liền bảo em: Em ưa việc thế sự, lấy tài sản làm vật quý còn ta thích kinh đạo, lấy trí tuệ làm tôn quý. Nay ta bỏ việc đời, về với ruộng phước, phó thác thân mạng cho đời, chỉ như bụi trần, vô thường cuối cùng cũng chết, lại bị tội lỗi trói buộc. Vì thế, bỏ đời lánh xa đục, tìm đến an lạc. Người em nghe anh nói rồi, tâm hướng đến nghĩa đạo, im lặng không trả lời. Người anh bỏ nhà làm Sa-môn, đầu đêm tinh tấn ngồi thiền quán xét, thực hành đúng kinh pháp, chứng đạo quả. Người em nghe vậy, càng thêm sân giận. Người này chưa từng nghe kinh pháp, ưa thích việc đời. Sau khi mạng chung đọa vào loài bò, thân hình khỏe mập, chở khách mua bán, vận chuyển muối nhiều vòng, bò bị yếu sức không được như trước. Vì kiệt sức, què cả hai chân nằm dài không đứng dậy được, người buôn dùng roi đánh đập, cái đầu vừa lay động thì người anh bay đến ở trong hư không, từ xa nhìn thấy em liền bảo rằng: Em giữ gìn ruộng nhà, nay vì đó mà tự đọa làm loài bò. Người anh dùng thần lực chiếu soi để hiện rõ mạng sống trước kia, người em nhận ra mà tự trách mình làm việc ác tham lam ganh ghét, không tin pháp Phật, khinh thường chúng Tăng, chẳng tin lời nói của anh, lại tự chuốt lấy xích mịch nên đọa trong loài bò bệnh hoạn kiệt sức, hối hận còn đâu kịp. Người anh biết tâm niệm như vậy nên thương xót, liền hiện làm chủ con bò mà kể lại những chuyện xưa, người buôn nghe được nên đem tặng. Khi ấy, người anh dẫn bò về chùa, khiến cho nhớ nghĩ Tam bảo, trong lúc ăn cỏ, thì bò chết được sanh vào cõi trời Đạo lợi. Lúc ấy những người buôn đều nghĩ: Chúng ta chỉ lo liệu cuộc sống không thể bố thí, chẳng biết nghĩa đạo thì chết sợ cũng như thế, liền cùng nhau xuất gia, bỏ vợ con và báu quý tu tập hạnh Sa-môn, luôn tinh tấn nên đều đắc được đạo. Do đây thấy được vật báu ở thế gian không đem lại lợi ích cho người, còn phụng trì tôn kính Tam bảo tu thân học đạo đời đời được an lạc.

Trong kinh Phó Pháp Tạng dạy: Ngày xưa có Tôn giả La Hán Xà Dạ Đa dẫn các đệ tử đến thành Đức-xoa-thi-la, đến nơi lại buồn rầu không vui, dừng lại một tí rồi tiếp tục đi, trên đường thấy con chim vui vẻ liền mỉm cười. Các vị đệ tử xin thầy thuyết giảng về nhân duyên ấy. Tôn giả dạy: Trước khi ta đến thành, ở dưới cửa thành có quỷ con đói khát vội vàng đến nói với ta: Mẹ con vào thành kiếm thức ăn cho con, đến nay đã hơn năm trăm năm, con đói khát khốn khổ sẽ sắp mất mạng. Khi tôn giả vào thành nếu gặp mẹ con thì xin người nói lại con

quá khổ mong gặp mẹ sớm. Khi ta mới vào thành liền gặp mẹ của con quý đó, kể lại sự việc đầy đủ. Quý mẹ trả lời: Tôi vào thành đến nay đã hơn năm trăm năm chưa từng được nước miếng của một người, tôi đã mất hết khí lực gầy yếu, giả sử nếu được ít nước miếng thì bị quỷ thần cướp lấy, hôm nay bỗng gặp một tí nước miếng của một người muốn ra khỏi thành để cùng ăn với con, dưới cửa có nhiều quỷ thần lớn mạnh lo sợ không dám ra. Nguyên xin tôn giả đưa ra con khỏi thành để được cùng ăn với con. Ta liền hỏi quý: Người đã đến đây khi nào? Quý thưa với ta: Con thấy thành này đã hư hoại bảy lần. Ta nghe quý nói, buồn thương cho nó phải chịu sanh tử lâu dài, do đó mà ta thương vậy. Con chim kia đã trải qua chín mươi một kiếp có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi. Lúc đó ta là con của một trưởng giả muốn được xuất gia. Khi ấy, nếu ta xuất gia thì chắc chắn sẽ chứng quả A-la-hán nhưng cha mẹ không đồng ý buộc ta phải lấy vợ. Đã lấy vợ rồi ta lại cầu xin xuất gia. Cha mẹ lại bảo ta phải sanh một đứa con mới được phép đi. Ta vâng lời, sau đó sanh một đứa con trai đến sáu tuổi thì ta lại muốn đi. Cha mẹ lại bảo con đến ôm chân ta khóc lóc: Nếu cha bỏ con thì ai chăm sóc nuôi dưỡng, trước hãy giết con sau mới đi. Ta thấy thế liền sanh tâm ái nhiễm mà nói với con: Cha vì con nên không xuất gia nữa, do người con ấy nên từ đó cho đến chín mươi một kiếp chưa từng được gặp Đức Phật. Hôm nay nhờ đạo nhân thấy được con chim kia là con của ta đời trước. Thương xót người con ngu si nhưng ở trong sanh tử đã lâu đời, đây là nhân duyên ta mỉm cười. Nếu có ai ngăn cản người khác xuất gia, người đó chịu tội báo thường ở trong đường ác nhận khổ đau vô cùng không được giải thoát, khi tội báo đường ác hết thì sanh vào trong loài người không có mất. Thế nên người trí nếu thấy có người muốn xuất gia thì nên ân cần tìm mọi cách giúp đỡ để được thành tựu, chớ làm khó dễ.

Lại trong kinh Xuất Gia Công Đức dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài cùng với tôn giả A Nan vào thành Tỳ-xá-ly khi đến khát thực, có con của vị vua tên Bính La Tiện Na cùng vui chơi, hưởng khoái lạc với các kỹ nữ ở trên lầu cao. Đức Phật nghe tiếng nhạc, bảo tôn giả A Nan, Ta biết người này sau bảy ngày sẽ chết, nếu không xuất gia thì đọa địa ngục. A Nan nghe rồi liền đến giáo hóa, khuyến khích người đó xuất gia. Thái tử nghe khuyên, nên trong sáu ngày vui chơi thỏa thích, đến ngày thứ bảy xin Phật xuất gia, chỉ một ngày một đêm giữ giới thanh tịnh, qua đời ngay, được sanh vào cõi trời Tứ thiên vương, làm con của Bắc thiên vương tỳ Sa-môn, cùng với dâm nữ hưởng thọ năm khoái lạc, ở cõi trời năm trăm năm, lại sanh vào cõi trời Đạo lợi, làm con của Đ

thích, sống một ngàn năm ở cõi trời. Lại sanh vào Diêm ma làm con của vua, sống ở đó hai ngàn năm. Sau đó sanh vào cõi trời Đâu suất cũng làm con của vua, sống bốn ngàn năm. Lại sanh vào cõi trời Hóa lạc làm con của Thiên vương, sống tám ngàn năm ở đó. Khi chết lại sanh vào cõi trời Tha hóa tự tại thứ sáu làm con của Thiên vương cùng với các dâm nữ hưởng thọ khoái lạc quá thấp kém, sống ở đó hết một vạn sáu ngàn năm, thọ khoái lạc như vậy, ở cõi trời lục dục cho đến bảy lần mà ở đó không có tai ương. Một ngày xuất gia, trọn hai mươi kiếp không bị đọa vào đường ác, thường được sanh lên cõi trời hưởng phước tự nhiên. Khi làm thân người cuối cùng được sanh vào nhà giàu có của cải quý báu đầy đủ. Lúc trẻ qua rồi, đến khi lớn nhàm chán trần thế, xuất gia tu đạo, chứng quả Bích-chi Phật, hiệu là Tỳ-lưu-đế-lê, độ thoát vô lượng trời người. Vì nhân duyên này, nên biết xuất gia có vô lượng vô biên công đức không thể ví dụ. Giả sử trong thiên hạ có toàn là A-la-hán, nếu có một người trọn trăm năm hết lòng cúng dường cơm áo, thuốc thang, vật dùng đầy đủ, cho đến khi nhập Niết bàn cũng được xây dựng tháp, cúng dường các thứ chuỗi hạt, hoa hương, thì không bằng công đức của một người cầu Niết bàn, chỉ một ngày một đêm xuất gia trì giới. Do đây, mà nói: Pháp xuất gia chân thật, đáng tôn quý, không được tham đắm một ít tài sắc của thế tục mà bị lưu chuyển trong sanh tử, mang khổ vào thân.

Kệ:

*Chim hóa hiện ba núi không thành  
 Năm lửa ân ái tự xoay vòng  
 Đều nhốt vào trong lòng phiền não  
 Sao như vắng lặng thoát thành nguy?  
 Gương trí tròn đầy ánh sáng trong  
 Trăng tròn sáng hiện ở khắp nơi  
 Trải qua gồ ghề theo lối cũ  
 Trẻ qua già đến đâu trở lại.*

-----

## PHẦN THỨ 5: TÁN THÁN

- Duyên thuật ý
- Duyên dẫn chứng
- Duyên tán đức.

### *Thứ 1: Trình bày về duyên ý*

Nói tổng quát về chí nguyện, dựa vào văn tán tụng ngâm vịnh, văn tán tụng ngâm vịnh nương vào tiếng vang ư! Thế nên, ngâm nga, tán tụng hay tức là đã bày tỏ lại tất cả chí nguyện. Tiếng hay tuyệt vời tức là văn ca ngâm, tán tụng được ưa thích. Lời nói cũng cần tiếng để cùng tỏ rõ nghĩa lý. Ở phương Tây thì chúc tụng, các nước phương Đông thì tán thán. Tán thán là theo văn từ kết thành đoạn. Chúc tụng là kệ ngắn lưu lại để tụng. So hai nghĩa này, tên gọi khác nhưng thể tính thì đồng. Nên kinh nói: Dùng âm thanh vi diệu để tán thán công đức của Phật, chính là nghĩa này. Xưa kia Đức Phật nhập định, tiếng đàn ca chấn động đến hang đá, Bà-đề-dương chúc tụng, tiếng vang đến nơi thanh vắng, người đời biết đến tiếng này, chắc chắn không được khen ngợi, đến cuối đời tu tập có thật nhiều kinh nghiệm rõ ràng. Nhờ vậy, mới bày tỏ những suy nghĩ tinh tế, tiếng tán tụng thanh tịnh cảm ứng đến Phạm âm của núi Ngự, bạch kiều (dãi lụa) thề nguyện, Bồ tát thông hiểu âm thanh vi diệu đó là tiếng nhạc, siêng năng luyện tập, lãnh thọ pháp nên đạt đến thâm sâu, cố gắng đọc văn từ, văng vẳng âm thanh đến nhà ăn và dốc hết sức lực thì đến trời. Âm thanh dài vang đến cõi thanh vắng. Hoặc đưa ra từ ngữ thích hợp hay đọc để chọn những đoạn văn. Những việc này đều do thần ứng mà hiện rõ. Người học phải sáng suốt mẫu mực. Nguyên âm của kinh là tiếng hoàn hảo, tự nhiên phát ra tuyệt hay, phân chia từng đoạn để tu tập, tiếng nói trong trẻo chẳng cần huân tập, nên phát ra tiếng đạo dễ nghe hơn tục, âm sẽ rõ ràng không yếu ớt, hùng mạnh mà không hung dữ, trôi chảy mà không bỏ sót, ngừng lại mà không trì trệ, phát ra nhanh như tiếng chim kên lớn, tạo thành khí tiết của người nam hùng dũng, xa nghe thanh nhã với vợ, gần thì rõ ràng đầy đủ hài hoà. Đây là đã đạt được nguyện lớn. Tán tụng kinh thâm cao như tiếng sấm vang, ý là ở đây vậy. Nếu người ca tụng, tán thán ở trai đường thì chúng tồn tại lâu dài, đêm dài ngàn dặm, đốt tàn hết hương, khi ngủ sáu căn bị ngăn che, bốn chi bị phiền não trói buộc rã rời. Ở đây, chọn lựa những âm thanh tốt để thăng tòa, tìm kiếm các tiếng hay để làm điểm chính, cung thượng tấu lên làm rung động, lặc ngọc rung

vàng vang khắp làm vui, buồn bầy chúng như tiếng Ca-lăng, thần khí của chim loan hót khiến cho những người ngủ say lại tỉnh, lưỡi biếng trở thành siêng năng. Giảng đường đầy cả vẹt trời, đại chúng tâm hoan hỷ, bấy giờ mới biết âm thanh của kinh là quý trọng như vậy.

### ***Thứ 2: Duyên dẫn chứng***

Như trong kinh Trường A Hàm dạy: Người có năm loại âm thanh thanh tịnh mới gọi là phạm thanh. Những gì là năm? Một là tiếng nói của người chính trực. Hai là tiếng nói của người hòa nhã. Ba là tiếng nói của người trong trẻo. Bốn là tiếng nói của người sâu sắc. Năm là tiếng nói của người vang khắp, từ xa đều nghe. Đủ năm tính chất này mới gọi là phạm âm.

Trong kinh Phạm Ma Dụ dạy: Âm thanh thuyết pháp của Như Lai có tám loại: Một là âm thanh tuyệt hảo. Hai là âm thanh dễ nghe. Ba là âm thanh hòa nhã. Bốn là âm thanh hài hòa. Năm là âm thanh của người trí tuệ. Sáu là âm thanh an vui. Bảy là âm thanh vi diệu. Tám là âm thanh của người nam, lời nói không thiếu sót, không bị ngắt khoản.

Luật Thập Tụng dạy: Chư thiên nghe chúc tụng, vui mừng cũng khen ngợi theo. Trong kinh Tỳ Ni Mẩu dạy: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nghe các người chúc tụng, lời nói hiền từ, tuy nghe nói nhưng chưa biết nói những pháp gì. Đức Phật dạy: Từ kinh cho đến luận tùy ý giảng thuyết. Trong mười hai bộ kinh, nếu có tâm nghi mà muốn tuân tự thuyết giảng, với chùng hội thì đối với đông, văn từ nhiều, sợ dễ nhầm chán nên tóm lược lấy những từ hay trực chỉ nghĩa lý, không biết như thế nào. Vì nhân duyên ấy thưa bạch Thế tôn. Đức Phật liền cho phép các Tỳ-kheo dẫn chứng những yếu ngôn, diệu ngữ kinh để tỏ rõ nghĩa lý đó. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo, cách Phật không xa, đứng ở chỗ cao, tán tụng kinh điển. Đức Phật nghe thấy, không cho phép dùng tiếng tán tụng này. Vì có năm tai họa, do giống với tiếng ca ngâm, thuyết pháp của ngoại đạo. Một là không giữ gìn cho mình. Hai là không tán thán chúng. Ba là chư Thiên không vui lòng. Bốn là không rõ ràng khó hiểu. Năm là không lưu loát nên nghĩa lý khó hiểu. Đây gọi là năm thứ tai họa.

Trong kinh Hiền Ngu dạy: Xưa kia khi Đức Phật còn ở đời, vua Ba-tư-nặc cùng với binh chúng đi qua tỉnh xá Kỳ hoàn, nghe một Tỳ-kheo tán tụng tiếng thật hay, quân lính đứng nghe không chán, voi ngựa chổng tai lắng nghe không chịu đi. Vua bảo binh chúng vào chùa xem, thấy Tỳ-kheo tán tụng, hình tướng thấp thoải xấu xí, vua không muốn

nhìn. Vua thưa Đức Phật: Tỳ-kheo này đời trước tạo nghiệp gì mà bị quả báo như vậy?

Đức Phật bảo vua: Ở đời quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Ca Diếp. Sau khi vào Niết bàn có vua Cơ Lý Tỳ gom nhặt xá lợi để xây tháp, có bốn Long vương hóa làm hình người, đến chỗ của vua hỏi việc xây tháp: Trẫm dùng vật báu hay đất để làm?

Vua trả lời: Muốn làm tháp lớn nên không có nhiều vật báu, nay chỉ làm bằng đất, chu vi năm dặm, cao hai mươi lăm dặm.

Long vương nói với vua: Tôi là long vương đến đây hỏi xem, nếu trẫm dùng báu để làm thì tôi sẽ hỗ trợ. Vua nghe thế vui mừng.

Long vương lại nói với vua: Bên ngoài cửa thành có bốn dòng suối. Nước của dòng ở phía Đông nếu lấy dùng thì dần dần biến thành lưu ly. Nước của dòng ở phía Nam nếu lấy dùng thì dần biến thành vàng ròng. Nước của dòng ở phía Tây nếu lấy dùng thì dần biến thành bạc trắng. Nước của dòng ở phía Bắc nếu lấy dùng thì dần biến thành ngọc trắng.

Nhà vua nghe như vậy càng rất vui mừng, lập ra bốn vị trông coi, mỗi nơi một vị. Ba vị giám sát kia làm giỏi nên sắp xong, còn vị này biếng nhác nên chỉ một mình chưa xong. Nhà vua đến, thấy vậy hết lời quở trách. Người ấy, nổi oán hận thưa vua:

Tháp quá cao lớn phải khi nào mới hoàn thành? Nhà vua bảo người xây dựng ngày đêm, họ siêng năng làm, nên đã xong trong thời gian ngắn. Tháp rất cao, gồm các thứ báu quý trông rất lạ mắt. Người trông coi này thấy vậy vui mừng hoan hỷ, sám hối những tội trước, liền đem chuông vàng treo ở trong tháp, phát nguyện: Nguyện con khi sanh ra được tiếng thật hay khiến cho mọi người nghe đều ưa thích. Tương lai, có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni, khiến cho con được thoát khỏi sanh tử. Vì xưa kia do chê tháp cao quá nên sanh ra bị xấu xí, nhờ đem linh vàng treo ở trong tháp và nguyện gặp Phật nên từ đây đến trong năm trăm đời được âm thanh tuyệt hay. Nay lại được gặp Phật xuất gia tu đạo, chứng quả A-la-hán, đó là nhân duyên. Tất cả chúng sanh nếu thấy người khác làm phước thì không nên chê bai, về sau mắc tội báo, hối hận không kịp.

### ***Thứ 3: Duyên công đức tán thán***

Trong kinh Bồ Tát Bồ Hạnh dạy: Đức Phật bảo tôn giả A Nan, Ta nhớ xưa kia có Như Lai ra đời hiệu là Phất Sa Đa Đà A Đà Độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà. Đức Phật ấy ở trong hang có nhiều báu,

Ta thấy vị Phật kia sanh vui mừng, chấp tay đứng xa một bước, suốt bảy ngày đêm, rồi dùng kệ tán thán vị Phật ấy:

*Trên trời dưới đất không như Phật  
Thế giới mười phương cũng không bằng  
Con thấy tất cả trong thế gian  
Hết thấy không ai sánh bằng Phật.*

Này A Nan! Ta dùng kệ tán thán Đức Phật ấy xong, phát nguyện như vậy và đến nói với thị giả của Đức Phật kia: Vị ấy, trong chín mươi chín kiếp ở đời quá khứ đã thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, ta ở trong thời đó mà được thọ ký, thường siêng năng tinh tấn tăng trưởng vô lượng công đức ở đời, làm Phạn vương, Đế thích, Chuyển luân thánh vương. Do năng lực của nhân duyên nghiệp lành này nên ta được đầy đủ bốn biện tài, không có người nào có thể bàn luận cùng ta, điều phục được ta, đã chứng được quả Bồ đề Vô thượng và chuyển được bánh xe pháp Vô thượng.

Trong kinh Niết bàn dạy: Khi trưởng giả Ca Diếp còn là Bồ tát, liền đứng trước ta dùng kệ tán thán Đức Phật:

*Thầy thuốc giỏi chăm sóc chúng sanh  
Thân và trí cùng đều vắng lặng  
Trong pháp vô ngã có chơn như  
Cho nên kính lễ đáng Vô thượng.  
Phát tâm xong, hai mà không khác  
Hai tâm ấy, tâm trước là khó  
Mình chưa được độ, trước độ người  
Nên ta kính lễ sơ phát tâm.*

Trong luận Phát Bồ Đề Tâm, luận chủ dùng kệ tán thán Đức Phật:

*Kính lễ vô biên Phật  
Khứ, vị lai, hiện tại  
Trí bất động rộng không  
Đại từ Tôn cứu đời.*

Thầy của ta làm hai kệ về Đức Phật, hai kệ nói về làm thế nào được sống lâu, hai kệ nói về sắc thân vi diệu của Như Lai, hai kệ nói về thế giới như hư không:

*Đức Phật thương xót chúng sanh,  
Vì ngăn che nên mờ tối  
Không mở mắt mà nhìn thấy  
Chưa nghe giảng để thấy đạo.*

*Nơi thế giới như hư không  
 Như hoa sen không thấm nước  
 Tâm tịnh vượt thoát mọi điều  
 Cúi đầu lễ đấng Vô thượng.*

Kể rằng: Đời Hán lưu hành thường lướt bớt, nên những câu tán tụng phần nhiều thường làm nửa kệ. Thế nên, trong luận Tỳ-ni-mẫu dạy: Không được làm nửa kệ tán tụng, nếu làm thì mắc tội Đột-cát-la, nhưng âm từ của Phạm kệ chưa sâu sắc như ở phương Tây, phát ra kinh gì?

Đáp: Chỉ Đức Phật cho phép mới được làm, y theo kinh mà dùng kệ tán thán, lấy dùng mà không ngại, mà trong ngoài có giới hạn. Từ ngữ tán thán của nước Ngô Thục thì tùy theo sở thích của mỗi nước. Kệ tán thán có nhiều loại, nhưng Trung-hoa và Ấn-độ là thù thắng, cách dùng âm vần khác nhau. Truyền vào nước Ngô sớm có Pháp sư Khương-tăng-hội, người ở nước Khương, học rộng biết nhiều, phiên dịch kinh điển, lại giỏi tiếng Ấn, tán thán lưu truyền pháp tịch diệt, âm thanh dứt khoát thanh nhã. Người đàn việt thích học tất cả âm thanh đó. Trước kia ở nước Phổ có Pháp sư Đạo An, tập hợp chia làm ba khoa: Kinh, Luận, Luật. Các bậc Hiền Thánh lập ra quy chế để khỏi rơi vào địa ngục, pháp của thiên hạ mọi người đều học tập và thực hành. Lại đến đời nhà Ngụy có vua Trần-tư sanh ra đàn con, người con thứ tư là Ngụy Võ-đế, lúc nhỏ ở trong cung điện khuê các, lên bảy tuổi đã đầy đủ văn từ, hạ bút thành tự, mới viết mà không có sửa chữa. Mọi việc thế gian đều rất giỏi, người ở làng Hàn-đan-thục thấy đều khâm phục, khen ngợi là người cõi trời, thường đọc tụng kinh Phật liên tiếp không ngừng, ôi! Thật thân gần, lấy đây làm tông chỉ cốt yếu của đạo, liền phân chia thay đổi thành bảy loại thanh, tiếng vang của bồng trầm, luyến, láy. Phúng tụng của người đời đều như hiến chương. Ông ta đi đến núi Ngự, bồng nghe tiếng của Phạm thiên ở trong không trung thanh nhã mà ai oán, âm thanh đó làm động tâm, nghe tiếng rất lâu và những người hầu đều biết, cảm ứng lý sâu xa của các vị thần, liền ngộ tất cả các pháp, mô phỏng để phân ra từng loại âm thanh, rồi viết lên lá bối, soạn thảo văn từ, phân chia âm tiếng, truyền lại cho đời. Phạm âm hiển rõ ở đời, ban đầu chính là nghĩa đó. Sự lưu truyền lời chúc tụng có sáu điều hợp lý.

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ, dân chúng mỗi người tự chuẩn bị bài hát để khen ngợi, ra thành chơi nhưng khi vừa đến cửa thành gặp Đức Phật và chúng Tăng vào thành khát thực. Mọi người thấy Đức Phật hoan hỷ kính lễ liền



ca hát cúng dường Ngài và đại chúng, phát nguyện rồi đi. Đức Phật mỉm cười và bảo A Nan: Những người này do ca hát cúng dường Phật và Tăng, công đức của duyên này mà ở đời vị lai trong một trăm kiếp không đọa vào đường ác, ở trong hàng trời người thường hưởng khoái lạc rồi trải qua một trăm kiếp sau đó thành Bích-chi-Phật, đều cùng một hiệu gọi là Bạch Diệu Thanh. Nhờ những nhân duyên này, nếu người nào tạo ra âm nhạc cúng dường Tam bảo thì được công đức vô lượng vô biên không thể tính kể. Trong kinh Pháp Hoa nói kệ:

*Nếu sai người tạo nhạc,  
Đánh trống thổi tù và,  
Tiêu, sáo, đàn không hầu,  
Tỳ bà, chấp chưởng đồng,  
Các tiếng hay như vậy,  
Dâng cúng dường tất cả,  
Đều đã thành Phật đạo.*

Lại trong kinh Bồ Tát Xứ Thai dạy: Khẩn-na-la ở phía Bắc núi Tu-di, qua núi Thiết-vi có núi Đại-hất cũng ở trong núi Thập-bảo. Ở đó không có Phật pháp, không có mặt trăng, mặt trời, do năng lực bố thí đời trước mà nay được sống trong cung điện bảy báu, thọ mạng rất dài lâu. Vua này trước kia được làm trưởng giả ở trong loài người đã phát tâm xây dựng tháp Phật. Lúc ấy, Khẩn-na-la cúng dường một mảnh đất đất xây chùa tháp, lại đem thức ăn ngon cho thợ thuyền. Sau khi chết làm một vị thần chí khí ở giữa hai ngọn núi. Lúc đầu được sanh trong loài người là làm trưởng giả của cải nhiều vô lượng. Có một Sa-môn đi khát thực, người vợ lấy cơm dâng cúng, trưởng giả liền nổi giận dữ, bảo: Người đi khát gì mà nhìn ngắm vợ ta, nên hãy hủy hoại chân tay của vị này. Sau khi qua đời, bị thân hình xấu xí qua tám mươi bốn kiếp thường không có chân tay. Chư thiên mở yến tiệc cùng với Càn-thát-bà say sưa, chư thiên ở cõi thượng và hạ đều muốn tấu nhạc, mà dưới nách toát ra mồ hôi liền tự lên cõi trời. Có một Khẩn-na-la tên là Đầu-lâu-ma đàn xướng ca hát thật tương các pháp để tán thán Thế tôn. Khi ấy núi Tu-di và các rừng cây đều chứng động, Tôn giả Ca Diếp đang ngồi mà thân không yên, năm trăm Tiên như tâm sanh say sưa, mất hết thần túc.

Lại trong kinh Đại Thọ Khẩn Na La Vương Sở Vấn dạy: Bấy giờ, có vua Đại Thọ Khẩn Na La đã đem cây đàn cầm lưu ly của mình và hoa lá vàng trang nghiêm cõi Diêm-phù-đề để tạo được các phước báo tốt lành, ở trước Như Lai tự gảy đàn cùng với hơn tám vạn bốn ngàn kỹ nhạc. Vua Đại-thọ này thường đánh đàn và thổi các nhạc cụ khác,

âm thanh này vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới đều nghe, tiếng đàn cầm và các âm thanh vi diệu lắng sâu trong âm nhạc chư thiên cõi dục, làm cho tất cả rừng cây, cỏ thuốc trong núi đều biến động. Như người say sưa quá độ điên đảo lên núi Tu-di dùng sức mạnh làm bằng phẳng không ngừng. Tất cả phàm Thánh chỉ trừ Bồ tát Bất thối chuyển, ngoài ra, tất cả khi nghe tiếng đàn và các âm thanh của nhạc cụ đều không ngồi yên mà đứng dậy nhảy múa. Tất cả Thanh-văn đều bỏ các oai nghi mà sanh tướng buông lung theo tiếng nhạc, như trẻ nhỏ khi múa cười không tự kiềm chế.

Bấy giờ, Bồ tát Kim Quang bảo với các Đại Ca Diếp và chúng Thanh-văn: Các thầy là Đại đức đã xa lìa phiền não được tám giải thoát, tại sao hôm nay đều xả bỏ oai nghi như đứa trẻ kia, cử động tay chân mà nhảy múa?

Khi ấy, các Đại đức đáp: Này thiện nam! Ta ở trong đây không được tự tại, như gió lớn thổi xoáy quanh thân cây, cây ấy không có sức mạnh để tự đứng yên, chẳng phải tâm xưa kia ấy ưa thích dục lạc.

Bấy giờ, Bồ tát Kim Quang bảo Đại Ca Diếp: Nay tôn giả thấy được năng lực oai đức của Bồ tát Bất thối. Nếu ai thấy như vậy mà không phát tâm đạo Bồ đề Vô thượng Chánh giác thì năng lực của tiếng đàn đều là âm thanh thuyết pháp, khiến cho tám vạn Bồ tát chứng đắc Vô sanh nhẫn. Nói kệ:

*Tiếng tán tán thanh cao  
Thần vang đến sâu thẳm  
Lên tòa tán tụng hay  
Cao hứng biến khắp nơi.  
Nương linh giác hư không  
Núi Ngự chuyển ý trẻ  
Phông viết Phạm ca trời  
Cùng tiếng mong ban pháp.  
Ai oán nên không xuống  
Phát phôi trong vại nhận  
Tiếng tán tụng Tỳ-kheo  
Động tâm người, súc sanh.  
Do thích huyền cú đó  
Liên cảm nhận bay không  
Sáng sớm ngộ lời nguyện  
Giác linh tự thông suốt.*

-----

## PHẦN THỨ 6: HƯƠNG ĐĂNG

- Duyên thuật ý.
- Duyên hương hoa.
- Duyên nhiên đăng.
- Duyên treo cờ phướn.

### *Thứ 1: Trình bày về duyên ý*

Phàm như sự việc mà ngộ nghĩa lý, tức từ các tướng mà dẫn dắt đạo chơn. Chiêm ngưỡng hình tượng Thánh hiền, lại dâng hoa hương cúng dường. Vì vậy, hoa báu tung bay, cùng với những hình tượng hoa sen hồng bằng tơ lụa tươi đẹp, gọi là hương Uất-phúc; Hoặc nhẹ như mây tựa như sương xanh biếc, lan tỏa vào sáng sớm, quyện lại trong đêm tối. Khi mặt trăng xuất hiện thì bóng tối tiêu diệt như ngọn đèn phá đi những tối tăm, cũng như trí tuệ làm tiêu trừ nghiệp chướng. Do vậy, trên thân cây đèn lớn, bền chắc có khắc thành tôn tượng Ngài Di Đà, luôn luôn sáng liên tục, nên có hiệu là định quang. Lần lượt chiếu đến duyên nhỏ, gần với ánh sáng sắc thân, cũng như nhờ bố thí một ngọn nến nhỏ mà về sau phước báo được thiên nhân, hướng nữa là làm chấn động Đại trí này, khai mở ánh sáng thù thắng ấy vậy. Do vậy, ngày vua A-dục băng hà đã làm tổng cộng tám vạn bốn ngàn cây đèn, chiếu sáng khắp trong tám vạn bốn ngàn tháp, lại treo các thần phướn tung bay khắp đại thiên, ngọc đồ chiếu sáng rực rỡ, tỏa chiếu khắp vạn ức. Khi gió trí tuệ chấn động, thì dấu hiệu của nghiệp thanh tịnh phát khởi, khi gió vi tế thổi đến thì phước báo của Chuyển luân không cùng tận.

### *Thứ 2: Duyên (cúng dường) hương hoa*

Như trong kinh Phật Thuyết Hoa Tụ Đà La Ni, Đức Phật dạy: Nếu lại có người sau khi Như Lai diệt độ, đi trên đường vắng gặp tháp miếu của Như Lai mà dùng hương, đèn hay một nắm thạch cao tô quét tượng để cúng dường; cho đến có thể dâng cúng một đồng tiền ở trước tượng Phật để tu sửa, hoặc lấy một cốc nước để lau tháp được sạch sẽ, dùng hoa hương cúng dường, mỗi khi đi đến chùa tháp là một lần xưng niệm Nam mô Phật. Nếu ai muốn làm cho người này đọa vào trong ba đường ác một trăm ngàn vạn kiếp thì điều ấy hoàn toàn không có.

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Nếu có chúng sanh giữ giới hương, tô quét tháp Phật thì khi qua đời sẽ sanh về cõi trời Hương lạc, và cùng với các Thiên nữ vui chơi, ở đây chết rồi sẽ được làm thân

người sanh vào nhà giàu có.

Trong kinh Thái Hoa Thọ Quyết dạy: Khi ấy, có vua nước La-duyệt bảo trên mười người thường cắt hoa đẹp để mang đến nhà vua. Một ngày nọ, có quý nhơn trong cung đi ra khỏi thành hái hoa liền được gặp Phật và cúi đầu đảnh lễ phát tâm. Tự nghĩ: Dù bỏ thân mạng vẫn đem hoa dâng cúng Phật và Thánh chúng, dù bị ganh ghét nhưng không đọa vào đau khổ. Rồi đem hoa cúng dường Phật và Thánh chúng, tự quy y một lòng kính lễ. Đức Phật biết tâm niệm người ấy, rất thương xót nên tuyệt giảng pháp đầy đủ, những người hái hoa đều phát tâm đạo, Đức Phật liền thọ ký về sau sẽ thành Phật, hiệu là Diệu Hoa. Khi người hái hoa trở về lại nhà, nói với hai người bạn khác: Hôm nay ta sẽ chết vì bị vua giết. Cha mẹ hoảng hốt lại hỏi do mắc tội gì? Người ấy thưa là do không có hoa dâng vua chắc chắn bị mất mạng, cho nên từ giã cha mẹ. Hai người bạn nghe càng thêm sầu lo, đưa cho cái hộp trong đó có đầy hoa đẹp, hương tỏa ra bốn mặt. Cha mẹ bảo: Hãy đem đến vua. Khi đó vua rất giận dữ, vì không thấy người hái hoa đến, liền sai người đến bắt trời, tội này sẽ mang bỏ ở chợ. Những người ở trong cung thấy sắc mặt của cô hái hoa không thay đổi.

Vua sân giận hỏi: Người có nhiều tội lỗi sẽ bị giết chết, sao không sợ?

Người hái hoa thưa vua: Người có sanh thì có chết, vật có thành thì có hoại. Mỗi khi vì pháp mắc tội thì không tiếc thân mạng, sáng nay, đi hái hoa đã dâng cúng Phật. Do biết trái pháp lệnh, bị tội sẽ bị mất mạng. Dù chết để làm phước đức, còn hơn sống mà không có phước. Trẫm hãy nhìn cái hộp đầy những bông hoa đó là đều do ân đức của Như Lai che chở, vua rất giận dữ nên lòng không tin, liền đi đến chỗ Đức Phật hỏi Ngài về ý nghĩa này.

Đức Phật đáp: Đúng thế, tâm trí của người này muốn cứu giúp mười phương, không tiếc thân mạng, nên dâng những bông hoa cúng Phật, ý không nhớ đến việc báo đáp, đã được thọ ký tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Diệu Hoa. Vua rất vui mừng, hối hận tội lỗi và tự trách mình tâm ý mờ tối, không như Bồ tát tha thứ tội ấy.

Đức Phật dạy: Lành thay! Tự mình có thể sửa đổi, cùng với người không lỗi lầm chăng?

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Khi Đức Phật ở vườn cây Cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ, Ngài dẫn các Tỳ-kheo đắp y mang bình bát đi khát thực đến hẻm nhỏ, có một phụ nữ ẩm đưa trẻ ngồi nơi hẻm, trẻ nhỏ gặp Thế tôn tâm rất vui mừng. Người mẹ đưa hoa, đưa trẻ nhận

lấy, liền dâng cúng Ngài, ở trong hư không biến thành cái dù hoa, che Đức Phật đi. Đứa trẻ thấy vậy rất vui mừng và phát nguyện lớn: Nhờ công đức căn lành cúng dường này mà khiến cho con đời sau được thành Chánh giác, giáo hoá chúng sanh cùng Đức Phật không khác. Bấy giờ, Thế tôn biết đứa trẻ này phát nguyện liền mỉm cười, từ mặt của đứa nhỏ hiện ra ánh sáng năm màu, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng liền thu lại vào đỉnh đầu.

Bấy giờ, A Nan thưa Đức Phật: Bạch đức Thế tôn! Như Lai tôn kính, mỉm cười không có vọng tưởng, nay do nhân duyên gì mà Như Lai mỉm cười? Nguyện xin Thế tôn giảng giải rõ ràng!

Đức Phật bảo A Nan: Hôm nay, thầy thấy đứa trẻ ấy, dâng hoa cúng dường Ta thì ở đời vị lai không rơi vào đường ác, trong hàng trời người thường hưởng thọ khoái lạc trải qua mười ba A-tăng-kỳ đắc được Phật Bích-chi, hiệu là Hoa Hạnh, cứu độ chúng sanh không có giới hạn, cho nên ta cười. Khi ấy các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy, vui vẻ thực hành.

Lại trong kinh Bách Duyên dạy: Lúc ấy, Đức Phật an trú tại vườn cây của Cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ, các trưởng giả trong thành đó giàu sang, mọi người đều tập trung đến trên dòng suối diễn tấu kỹ nhạc, đều tự chơi vui. Nước Ba-la-nại mở hội (chợ) hoa, trong hội đó còn ở lại một người vào rừng hái hoa Ba-la-nại để cài trên tóc. Khi người hái hoa đi trên đường mang đến hội thì thấy Thế tôn tướng tốt ánh sáng chiếu soi một trăm ngàn ngày, tâm luôn vui vẻ đến trước lạy sát chân Đức Phật, đem những bông hoa dâng cúng Ngài. Rồi trở lại hái hoa ở trên cây, bẻ cành bị rơi xuống đất qua đời. Người ấy được sanh vào cõi trời Đao-lợi, hình tướng đoan chánh đẹp đẽ, lấy hoa Ba-la-nại làm cung điện.

Trời Đế-thích hỏi: Người ở đâu, làm việc phước gì mà được sanh đến đây?

Đáp: Do nhân duyên xưa, đầy đủ phước báo của cõi trời Đế-thích. Bấy giờ, Đế-thích dùng kệ tán thán:

*Thân người màu vàng ròng  
Chiếu soi sáng rực rỡ  
Dung mạo sắc đoan chánh  
Đứng đầu trong chư thiên.  
Bấy giờ Thiên tử dùng kệ đáp:  
Tôi nhờ ân đức Phật  
Đem hoa Ba-la cúng*

*Do nhân duyên thiện này  
Nay được phước báo vậy.*

Bấy giờ, Thiên tử cùng với trời Đế-thích đi đến chỗ Phật, Ngài thuyết pháp cho họ tâm ý khai mở, diệt trừ được nghiệp chướng tà kiến trong hai mươi ức, đắc được quả Tu-đà-hoàn, tâm mừng vui, đến trước Đức Phật nói kệ tán thán:

*Thế tôn cao vời vợi  
Tối thượng không ai bằng  
Cha mẹ và Sư trưởng  
Công đức không sánh kịp.  
Làm khô bốn biển (ái) lớn  
Vượt qua núi Bạch-cốt (xương trắng)  
Lấp kín ba đường ác  
Khai mở ba đường thiện.*

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Bấy giờ, Thiên nữ nói kệ:

*Tôi lấy hoa cài tóc  
Cúng tháp Phật Thích Ca  
Nay sanh lên cõi trời  
Được công đức tối thắng  
Sanh ở trong hàng trời  
Báo được thân vàng ròng.*

Lại trong luận Tát Bà Đa dạy: Nếu đất bốn phương Tăng thì không được làm tháp, vì Phật pháp tự để gieo trồng. Nếu Tăng hòa hợp thì được, không hòa hợp thì không được làm. Nếu có trồng nhiều loại hoa ở đất của Tăng thì cần người trong sáng để giữ gìn, tuần tự tùy tâm cúng dường Tăng, hoa cúng dường Tam bảo không được lấy cho mình. Nếu hoa nhiều Tăng dùng không hết mà Tăng đồng ý cho thì lấy. Nếu trong đất Tăng không cho làm tháp tạc tượng vì gần người ô uế không được thanh tịnh. Nếu lầu gác có kinh tượng ở dưới thì không được ở trên. Nếu hoa ở tháp thì không được cúng dường Tăng và Pháp, cần phải dâng cúng Phật. Hoa này cũng được bán lấy tiền, để cúng dường tháp. Nếu nước của tháp thì để cúng dường tháp, giả sử còn thừa thì đem đến người có công làm tháp này mà phải bán lấy tiền để dùng những việc trong tháp, không được làm việc khác. Chi phí thì cần tính toán nếu không thì phạm tội. Nếu trong tháp không có người, nước lại nhiều mà sức lực do một vị Tăng, nước còn bao nhiêu hoàn toàn để vị ấy tính toán chi phí.

Lại trong kinh Văn Thù Vấn dạy: Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi bạch

Đức Phật:

Bạch đức Thế tôn! Hoa cúng dường còn dư dùng để chữa bệnh, phương pháp chữa trị như thế nào?

Đức Phật bảo Văn-thù: Mỗi hoa phải được trì chú khác nhau một trăm lễ tám biến. Tụng Phật hoa: Nam-mô-phật-thát-tả-trị-sa-ha.

Chú hoa Bát-nhã-ba-la-mật là: Na-mạt-kha-lô-ly. Bát nhã-ba-la-mật-đa-duệ-sa-ha.

Chú hoa Phật-túc là: Na-mạc-ba-đà-chế-điểm-đam-diêm-sa-ha.

Chú hoa Bồ-đề-thọ là: Nam-mô-bồ-đề-quá-lực-khám-lam-sa-ha.

Chú hoa Chuyển-pháp-luân-xứ là: Nam-mô-đạt-ma-chước-kha-la-da-sa-ha.

Chú hoa Thập là: Na-mạc-du-bạt-da-sa-ha.

Chú hoa Bồ tát là: Nam-mô-bồ-đề-tát-đỏa-dã-sa-ha.

Chú hoa Chúng tăng là: Na-mạc-tăng-già-dã-sa-ha.

Chú hoa Phật tượng là: Na-mạc-ba-la-đế-tà-sa-ha,

Đức Phật bảo Tôn giả Văn Thù Sư Lợi: Người nào thực hành những chú hoa này, hoặc bốn chúng có lòng tin tu tập thì sáng sớm thức dậy, tắm rửa súc miệng sạch sẽ, nhớ nghĩ công đức Phật, cung kính chú hoa này, không được dùng chân giẫm đạp, lên hoa, cầm hoa như pháp đặt vào chỗ chứa sạch. Nếu có người bị bệnh đau đầu hàn hoặc nhiệt, đều lấy bột hoa hoà vào nước lạnh để xoa vào thân. Nếu đi đại tiện ra máu hoặc đau thắt trong bụng thì nên lấy bột hoa hòa vào nước rồi uống. Nếu miệng bị lở loét thì lấy bột hoa hòa vào nước nóng rồi ngậm. Nếu trời mưa không ngừng, ở nơi chỗ trống dùng lửa đốt hoa khiến cho mưa ngừng. Nếu trời quá hạn hán, ở nơi hoang vắng lấy hoa đặt vào nước, lại đọc chú vào nước rồi tưới lên hoa, trời liền mưa ngay. Hoặc loài bò, ngựa tánh hung hăng, thì dùng hoa xoa vào bụng liền điều phục. Nếu hoa, quả, cây không tươi tốt nên lấy nước phân bò, hòa bột hoa vào để tưới vào những gốc cây ấy, không nên giẫm đạp lên thì hoa quả rất nhiều. Nếu trong ruộng có nhiều nước, lúa non hư hoại nên lấy hoa xay ra bột rồi rải vào ruộng liền phát triển tươi tốt. Nếu trong nước có bệnh dịch thì lấy bột hoa hoà vào trong nước đổ vào trong vỏ sò thổi vang ra âm thanh, người nghe liền lành bệnh. Nếu trong nước có địch oán thù muốn đến xâm chiếm thì lấy nước bột hoa ở xứ đó rưới khắp, giặc thù sẽ rút lui. Nếu ở núi cao có tảng đá lớn, chúng Tỳ-kheo để bột hoa ở trên tảng đá, cùng nhau lễ bái, sau một thời gian lâu, ở trên tảng đá tự nhiên sanh châu báu.

Đức Phật bảo Bồ Tát Văn Thù: Cứ mỗi lần tụng trọn một trăm

tám biến chương cú của chú này thì các thầy ở nơi nào cũng sẽ thuyết, như hoa pháp của Phật, ngoài ra hoa khác cũng vậy. Lại trong kinh Hoa Nghiêm dạy: Xưa kia, ở trong laòi người có một loại hương gọi là Đại-tượng-tạng. Do chiến đấu với rồng mà sanh, hoặc đốt một viên mà phát khởi ánh sáng lớn như lưới mây che phủ ở trên, pháp vị như cam lồ, trải qua bảy ngày bảy đêm thì mưa xuống nước hương, nếu dính vào thân người nào liền thành màu vàng ròng, nếu mặc y phục thì cung điện lầu gác cũng đều thành màu vàng. Nếu có chúng sanh nào được nghe thấy hương này, trong bảy ngày bảy đêm hoan hỷ vui vẻ, thì diệt trừ được tất cả bệnh ngặt nghèo, xa lìa những lo sợ nguy hại, thường có tâm từ bi nhớ nghĩ chúng sanh. Ta biết người đó nên thuyết pháp, khiến cho vô lượng chúng sanh được quả vị Bất thối chuyển. Lại nữa hương Ngưu đầu chiên đàn mọc ở trên núi trừ bỏ cấu uế, nếu dùng để xoa thân thì lửa không thể cháy. Lại trong kinh Bách duyên dạy: Khi xưa Đức Phật còn tại thế, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một trưởng giả thật giàu có, vô lượng tài báu không thể tính kể, sanh được một người con trai tướng mạo đoan chánh, hiếm có ở đời, các lỗ chân lông trên thân toát ra mùi hương Chiên đàn, miệng thường thoảng hương thơm hoa xanh, cha mẹ biết vậy rất vui mừng. Do đó, đặt tên là Chiên-đàn-hương, qua thời gian lớn lên cầu Phật xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Vị Tỳ-kheo thấy vậy liền bạch Phật: Chiên-đàn-hương này đời trước gieo trồng phước gì mà sanh vào dòng họ cao quý, thân thường thoảng mùi thơm, gặp Phật xuất gia, đắc được đạo quả.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Trong chín mươi một kiếp ở đời quá khứ, Đức Phật Tỳ Bà Thi sau khi nhập Niết bàn, có vua Bát Đầu Mạc Đế, ông ấy thu nhật Xá lợi xây dựng bốn tháp báu cao một do tuần để cúng dường. Có một trưởng giả vào tháp Phật, thấy đất đổ xuống và bùn bám vào, nên tu sửa, dùng hương chiên đàn tô quét lên, phát nguyện rồi đi. Do công đức này, từ đây đến chín mươi một kiếp không rơi vào đường ác, ở trong hàng trời người thân miệng thường thoảng hương thơm, hưởng thọ phước báo khoái lạc, đến nay gặp Ta xuất gia đắc đạo.

Lại trong luận Đại Trang Nghiêm, Đức Phật dạy: Xưa kia Ta từng nghe, khi Phật Ca Diếp còn là Pháp sư, thuyết pháp cho chúng, được chúng tán thán Ngài, do duyên này, nên lúc qua đời sanh vào cõi trời, thường hưởng thọ khoái lạc. Ở đời Phật Thích Ca Văn, sau khi Ngài nhập Niết bàn một trăm năm, vào thời vua A Du Ca, vị ấy làm đại Pháp sư, đắc quả A-la-hán, miệng thường có hương thơm vi diệu thoát ra. Lúc vị Pháp sư đó bỏ ngôi vua không lâu, vì chúng sanh mà thuyết pháp,



hương thơm trong miệng bay đến nơi vua. Nhà vua nghe thấy hương thơm sanh nghi ngờ, suy nghĩ: Vị Tỳ-kheo kia ngậm bột hương thơm trong miệng chẳng, nên tỏa ra hương thơm như vậy? Nghĩ thế rồi, bảo Tỳ-kheo: Hãy súc miệng, xem còn mùi thơm đó chẳng!

Vị Tỳ-kheo thưa vua: Sao lại bảo tôi súc miệng?

Nhà vua trả lời: Ta nghe mùi hương sanh nghi ngờ, nên bảo súc miệng, thế mà hương lại thơm hơn, chỉ có hương thơm của Tỳ-kheo chứ không có hương nào khác. Nhà vua thưa Tỳ-kheo: Nguyên xin thuyết pháp cho ta. Tỳ-kheo mỉm cười liền thuyết kệ:

*Bậc tự tại trời đất  
Nay thuyết pháp cho ông  
Chẳng phải nước hương trầm  
Chẳng phải cành lá hoa  
Chiên đàn và các hương  
Hòa hợp để tỏa ra  
Ta sanh tâm nghi ngờ  
Nên đã nói như vậy.  
Xưa tán thán Ca Diếp  
Nay mới được như vậy  
Hương thơm của Phật kia  
Cùng hương này không khác  
Đêm ngày thường có hương  
Chưa từng bị mất hẳn.*

Trong kinh Nhật Vân dạy: Để khói hương lan tỏa xuống trên đất thì diệt trừ được các tội suốt trong năm trăm năm, lại đọa trong địa ngục Phấn-thỉ, vì sao? Vì do tâm buông lung vậy. Trong kinh Da Vấn dạy: Chuẩn bị cúng dường mà dùng miệng thổi các bụi tro thì rơi vào địa ngục Ưu-bát-la, làm bạn với vua Phong-thần. Trong kinh Yếu-dụng-tối dạy: Mũi ngửi hương thì mất hết mùi hương nên không còn phước đức, đời hiện tại bị đọa vào địa ngục Ba-đầu-ma, vị lai mũi không còn biết mùi vị của hương. Lại trong kinh Nhật-cúng-dường dạy: Khi cúng dường hương không đóng kín thì rơi vào địa ngục Hắc-phấn-thỉ, chịu hết các tội trong nửa kiếp, không còn phước báo trí tuệ. Vì sao? Vì do mở cửa nên hương thơm thoát ra.

Trong Tam Thiên Oai Nghi dạy: Đốt hương ở trước Phật có ba việc. Một là mùi thơm hay thay đổi. Hai là tự tỏa ra hương thơm. Ba là luôn mang đến hương thơm cho người. Đốt trầm hương có ba việc: Một là trước hết lấy tro tàn bỏ đi, nhặt lấy các hương để lại một nơi. Hai là

thường lau chùi sạch sẽ mới đốt hương, lại lấy hương cũ bỏ vào lại lư. Ba là khi đốt hương không thổi khiến hơi bay ra.

### ***Thứ 3: Nhân duyên nhiên đăng***

Như kinh Bồ tát bốn hạnh, Đức Phật dạy: Xưa kia từ vô lượng kiếp đến nay, ta xả bỏ thân mạng, ở cõi Diêm phù đề làm vua một nước lớn, liền cầm dao đưa cho người hai bên, bảo họ chặt thân này làm thành một ngàn cây đèn. Chia thịt thân ta ra sáu bằng đồng tiền lớn, rồi rót dầu vào, xâu tim, để làm một ngàn ngọn đèn, bảo Bà-la-môn, trước thuyết pháp sau mới đốt đèn. Bà-la-môn dùng kệ thuyết pháp cho vua:

*Thường thì có đoạn*

*Cao thì có thấp*

*Hợp có xa lìa*

*Sanh thì có chết.*

Nhà vua nghe kệ rồi hoan hỷ vui mừng. Nay vì pháp nên lấy thân này làm đèn, không mong cầu vinh hoa ở đời, cũng mong không cầu chứng quả Nhị thừa, nguyện đem công đức này cầu quả vị Vô thượng Chánh chơn. Phát nguyện rồi, sáu phương trong thế giới chấn động, thân đốt làm thành ngàn cây đèn, tất cả chư thiên, Phạm vương, Đế Thích, Ngưu vương đều đến thăm hỏi: Nếu đốt thân làm thành ngàn ngọn đèn thì không đau đớn chăng? Vả lại chẳng hối tiếc sao?

Nhà vua trả lời Đế Thích: Không bị đau đớn cũng chẳng hối tiếc.

Hỏi: Nếu không hối tiếc sao dùng làm đèn?

Nhà vua phát lời thề: Một trăm cây đèn của ta dùng để cầu đạo Vô thượng, đoán chắc sẽ thành Phật và các bịnh nhọt đều lành. Nói xong, thân liền bình phục không còn dấu vết. Các chư thiên, vương thần, bà con rất nhiều dân chúng cùng phát nguyện vui vẻ, tán thán thực hành mười điều thiện.

Như trong kinh A Xà Thế Vương Thọ Quyết dạy: Khi vua A Xà Thế thỉnh Đức Phật thời cơm xong, Ngài trở về tịnh xá Kỳ hoàn. Vua cùng với Kỳ-bà bàn luận, Phật thời cơm xong làm gì?

Kỳ-bà nói: Đốt nhiều hương đèn.

Nhà vua liền ra lệnh: Hãy đổ dầu vào những cái hủ, thấp lên từ cung vua đến tịnh xá Kỳ hoàn. Khi ấy, có bà lão nghèo khổ thấy vua làm việc này, rất cảm động. Bà đi xin được hai đồng tiền, đến quán để mua dầu. Người chủ bảo: Bà lão quá nghèo khổ, kiếm xin được hai đồng tiền sao không mua thức ăn để tự sinh sống mà lại mua dầu thấp?

Bà lão nói: Tôi nghe, Đức Phật xuất hiện ở đời thật khó, trăm kiếp

mới gặp một lần, tôi có duyên lành gặp Ngài mà không cúng dường. Hôm nay, thấy nhà vua làm công đức lớn, tuy quá nghèo cùng, nhưng tôi muốn cúng một cây đèn để làm vốn phước được cho đời sau. Nghe vậy, người chủ bán dầu vui vẻ tán đồng ý kiến đó, đổi hai đồng được dầu tương ứng hai cây đèn, nhưng đặc biệt dầu lại nhiều thêm ba bình, nên cả thấy được năm cây đèn dầu. Bà lão liền đến trước Phật cúng đèn, đi mãi không ngừng đến nửa đêm, phát lời nguyện: Nếu đời sau, con được thành đạo như Phật thì xin dầu còn mãi để đèn sáng mãi không tắt, làm lễ xong lui ra. Đèn của nhà vua có ngọn tắt, hay hết dầu nhưng đèn của bà lão đặc biệt sáng mãi, các đèn thù thắng ấy soi sáng suốt đêm không ngừng, dầu vẫn còn đến sáng mai. Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên: Trời đã sáng tỏ, nên tắt các ngọn đèn. Tôn giả vâng lời, tuân tự tắt đèn, đều tắt hết đặc biệt đèn của bà lão tắt đến ba lần cũng không được. Tôn giả liền dùng vạt áo cà sa quạt để tắt, nhưng ánh sáng càng tỏ hơn, cho đến dùng thần lực, nương theo luồng gió để mong tắt đèn nhưng lại sáng mạnh hơn, chiếu sáng đến cõi trời Phạm thiên và soi tỏ đến thế giới ba ngàn, tất cả đều thấy ánh sáng đó. Đức Phật bảo tôn giả Mục-liên: Thôi hãy ngừng đi! Công đức ánh sáng của Đức Phật đương lai này, oai thần của thầy không thể tắt được đâu. Bà lão này đời trước đã cúng dường một trăm tám mươi ức Đức Phật, được chư Phật thọ ký, nhưng thường đối với kinh pháp chưa rảnh rỗi tu tập, nên hôm nay vẫn nghèo khổ, không có tài của, sau ba mươi kiếp sẽ được thành Phật, hiệu là Tu-di-đăng-quang Như Lai Chí chơn Chánh đẳng Chánh giác, ở thế giới không có mặt trời mặt trăng, trong thân mọi người đều có ánh sáng lớn, chiếu soi như cõi trời Đao lợi. Bà lão biết vậy đành lễ lui ra.

Nhà vua hỏi Kỳ-bà: Ta làm công đức với vợ như vậy sao Đức Phật không thọ ký cho ta, người già đó chỉ một ngọn đèn mà được thọ ký?

Kỳ-bà trả lời: Trẫm làm tuy nhiều nhưng tâm không chuyên một chỗ, không như bà già ấy, chú tâm đến Đức Phật. Về sau vua A Xà Thế với tâm thành kính dâng dầu hoa cúng dường Phật. Đức Phật liền thọ ký cho vua, về sau tám vạn kiếp, kiếp đó tên Hỷ-quán vua sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh-kỳ. Thái tử con của vua A Xà Thế là Chiên-đà-hòa-lợi, khi lên tám tuổi thấy cha được thọ ký rất vui mừng, liền cỡi những vật báu trên thân cúng dường Đức Phật, và thưa: Nguyện xin đến khi Tịnh-kỳ làm Phật con sẽ làm vua Kim luân để cúng dường Phật, Đức Phật vào Niết bàn con sẽ thừa kế làm Phật.

Đức Phật dạy: Như lời nguyện của người chắc chắn sẽ thành Phật

hiệu là Chiên-đàn.

Như trong kinh Hiền Ngu dạy: Tôn giả A Nan bạch Phật: ‘Không biết Thế tôn trong đời quá khứ đã gieo trồng căn lành gì mà đến nay được phước báo có vô số đèn?’

Đức Phật bảo tôn giả A Nan: Ở quá khứ, chín mươi mốt kiếp trong hai a tăng kỳ, cõi Diêm phù đề này có một vị tên là Ba Tắc Kỳ. Phu nhơn lớn sanh thái tử đầy đủ tướng tốt, thân màu vàng đỏ, thời gian sau khi lớn lên xuất gia thành Phật, giáo hóa mọi người, cứu độ tất cả. Bảy giờ, vua cha thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường ba tháng. Có Tỳ-kheo tên A Lê Mật La ở trong ba tháng làm đèn đàn việt, mỗi ngày vào thành xin các thứ dầu tô, tim đèn. Lúc ấy, công chúa của vua tên Mâu Ni, ở trên lầu cao thấy Tỳ-kheo này, hằng ngày đi vào trong thành loanh quanh tìm những thứ cần dùng, cô ta sanh lòng kính mến ân cần, nên bảo người đến hỏi xem, đến đó để cần gì?

Vị Tỳ-kheo trả lời: Ba tháng này, ta cùng Phật và chúng Tăng làm đèn thấp sáng, nên đến đây xin các thứ dầu, tim đèn.

Người hầu trở lại, thưa với công chúa, cô ta rất vui mừng. Công chúa thưa với Tỳ-kheo: Từ nay về sau, thầy đừng đi xin nữa, tôi sẽ cung cấp đầy đủ những thứ ấy cho thầy.

Tỳ-kheo nhận lời, từ đó về sau thường đến nhận các thứ dầu tô và tim đèn. Bậc Thánh và chư Tỳ-kheo thành tâm bảo: Đức Phật sẽ thọ ký cho cô, ở đời vị lai qua A tăng kỳ kiếp sẽ được làm Phật hiệu là Định-quang-vương-nữ-mâu-ni. Nghe Đại thánh và chư Tỳ-kheo thọ ký thành Phật liền nghĩ: Các thứ đèn Phật đều là của ta, chư Tỳ-kheo thọ ký mình ta chắc không được. Nghĩ thế rồi, đến chỗ Phật trình bày những hoài nghi, Đức Phật liền thọ ký, bảo với Mâu Ni: Người ở đời sau chín mươi mốt kiếp trong hai A tăng kỳ sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, đầy đủ mười danh hiệu. Công chúa nghe rồi liền phát tâm hóa thành nam tử, kính lễ dưới chân Phật cầu xin làm Sa-môn, Ngài liền chấp nhận. Vị ấy tinh tấn tu tập không ngừng. Do cúng dường đèn sáng xưa kia, từ đó về sau trong vô số kiếp, ở trong hàng trời người tự nhiên hưởng thọ phước lạc, thân thể thù thắng khác người. Ngày nay thành Phật hưởng thọ phước báo của đèn sáng đó.

Lại trong kinh Thí Đẳng Công Đức dạy: Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất: Hoặc có người đứng trước các hình tượng trong tháp miếu của Phật mà thiết lễ cúng dường những ngọn đèn sáng, cho đến lấy một ít tim đèn hay dầu tô, bột hương thì ánh sáng này chỉ soi tỏ trong một bậc cấp đạo. Nay Xá Lợi Phất! Phước đức này chẳng phải Thanh văn,

Duyên giác mà biết chỉ có Như Lai mới có thể biết được. Người cầu phước báo ở đời công đức còn như vậy, huống nữa với tâm an lạc thanh tịnh, liên tục nhớ nghĩ công đức Phật. Phước đức của một từng bậc đạo quả còn như vậy huống nữa chiếu sáng hoàn toàn một đạo quả; Hoặc hai, ba bốn đạo quả; Hoặc thân tháp một bậc, hai bậc cho đến nhiều bậc, một mặt, hai mặt cho đến bốn mặt, cho đến hình tượng của Phật. Nay Xá Lợi Phất! Người thắp đèn đó, hoặc mau tắt hay gió thổi tắt, hoặc dầu khô hết hay tim cháy hết hay tắt cả đều hết. Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn ở trong tháp miếu của Phật cúng dường đèn sáng. Do lòng tin Phật Pháp Tăng mà dâng cúng ruộng phước một tí ánh sáng, nên được quả báo, tích tập các phước đức chỉ có Đức Phật mới biết được, đèn ít như vậy, còn đèn nhiều thì không thể tính kể. Huống nữa, sau khi Ta diệt độ ở trong chùa tháp của Phật hoặc tự làm hay bảo người khác làm. Hoặc đốt một cây đèn, hai cây cho đến nhiều cây, hương hoa chuỗi hạt, dù lọng, cờ bằng báu và cúng dường tất cả những thứ thù thắng vi diệu. Lại nữa có người ở trong tháp miếu của Phật dâng cúng đèn sáng thì lúc lâm chung được ba loại ánh sáng. Những gì là ba? Một là, người đó lúc qua đời những việc phước trước kia đều hiện trước mắt, nhớ nghĩ pháp lành không quên mất, do nhớ nghĩ này nên tâm được vui mừng. Hai là, do đây mà nhớ nghĩ niệm Phật, thực hành bố thí, tâm vui vẻ không bị khốn khổ của cái chết. Ba là, nhờ đây liền được tâm nhớ nghĩ pháp.

Nay Xá Lợi Phất! Người ấy lúc lâm chung được bốn thứ ánh sáng. Những gì là bốn? Một là khi lâm chung thấy bánh xe tròn đầy ở miệng hiện ra. Hai là thấy trăng sáng như bánh xe tròn đầy hiện ra. Ba là thấy chư thiên tập trung ở một nơi. Bốn là thấy Như Lai Ứng chánh Biến tri, ngồi dưới cây Bồ đề, chứng đắc đạo quả Bồ đề. Tự thấy mình tôn kính Như Lai chấp tay cung kính đứng yên. Nay Xá Lợi Phất! Ở trong tháp miếu của Phật cúng dường đèn sáng rồi, thì lúc lâm chung thấy được bốn thứ ánh sáng như vậy. Khi chết sanh vào cõi trời thứ ba mươi ba. Ở đó được năm việc thanh tịnh: Một là năng lực thanh tịnh. Hai là ở trong chư thiên được oai đức thù thắng. Ba là thường được tuệ niệm thanh tịnh. Bốn là thường được nghe và ghi nhớ những âm thanh. Năm là được bà con thường hết lòng ủng hộ, tâm được vui mừng. Ở trong thiên cung ấy, khi qua đời không rơi vào đường ác, sanh vào loài người được dòng họ cao quý, tin hiểu Phật pháp, lúc đó ở thế gian không có Phật cũng không sanh vào nhà tà kiến hung dữ, thấp kém. Do cúng dường đèn mà được bốn pháp an lạc. Những gì là bốn? Một là năng lực và sắc đẹp. Hai là tài sản. Ba là nhiều niềm vui. Bốn là trí tuệ. Nếu người an trú Đại thừa, đối

với tháp miếu của Phật mà cúng dường đèn sáng thì được tám pháp an lạc: Những gì là tám? Một là được mắt thịt thù thắng. Hai là được tâm niệm thù thắng không thể đo lường. Ba là được một phần thiên nhãn tối thắng. Bốn là tu tập đạo tròn đầy nên được giới trọn vẹn. Năm được trí tuệ viên mãn chứng đắc Niết bàn. Sáu là trước đã làm việc thiện thì không bị các nạn. Bảy là đã làm việc thiện nên được gặp Phật có thể thấy tất cả chúng sanh. Tám là nhờ căn lành đó mà được các xe báu của vua Chuyển luân, không bị người khác làm chướng ngại, thân này đoan chánh, hoặc làm Đế thích đầy đủ thiên nhãn, oai lực lớn. Hoặc làm Phạn vương thực hành các việc thanh tịnh đạt được Thiên định lớn.

Này Xá Lợi Phất! Lấy căn lành này hồi hướng quả vị Bồ đề thì được tám pháp an lạc tối thắng. Lại nữa, Xá Lợi Phất! Nếu người ở trước Như Lai mà thấy người khác cúng dường đèn với tâm thanh tịnh, chấp tay tùy hỷ, do căn lành này nên được tám pháp tăng thượng. Những gì là tám? Một là sắc đẹp tăng thượng. Hai là được quyến thuộc tăng thượng. Ba là được giới tăng thượng. Bốn là sanh trong hàng trời người được tăng thượng. Năm được lòng tin tăng thượng. Sáu là được biện tài tăng thượng. Bảy là được Thánh đạo tăng thượng. Tám là đạt quả vị Bồ đề. Lại nữa, Đức Phật lại bảo Xá Lợi Phất: Có năm loại pháp tối ưu khó được: Một được thân người là khó. Hai là ở trong chánh pháp Phật được lòng tin ưa thích là khó. Ba là ưa thích pháp Phật được xuất gia là khó. Bốn là đầy đủ giới thanh tịnh là khó. Năm là được diệt trừ hết các lậu là khó. Tất cả chúng sanh ở trong năm pháp này cho là khó được mà các thầy đã thành tựu.

Trong kinh Thí Dụ dạy: Khi xưa, Đức Phật còn tại thế trong hàng đệ tử phước đức không như nhau. Trưởng lão Xá Lợi Phất là trí tuệ đệ nhất. Đại Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất. Tôn giả A Na Luật là thiên nhãn đệ nhất, có thể thấy ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến những thứ vi tế đều thấy rõ.

Tôn giả A Nan biết được liền bạch Phật: Tôn giả A-na-luật này trước đây đã làm việc gì mà nay được thiên nhãn như vậy?

Đức Phật dạy: Ở đời quá khứ chín mươi một kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi Niết bàn, lúc đó người ấy còn làm kẻ cướp vào trong tháp muốn trộm lấy vật của tháp. Khi ấy, trong tháp Phật có cây đèn trước Ngài sắp tắt, kẻ cướp dùng mũi tên khêu sáng lên, thấy hào quang oai thần của Đức Phật, tự nhiên lông tóc dựng ngược, liền tự nghĩ: Người khác còn xả bỏ của cải vật chất để mong cầu phước đức, sao ta lại đi ăn cắp! Liền bỏ đi ra, nhờ duyên chơn chánh khêu tim đèn mà được

phước đức nên từ đó đến đời vị lai trong chín mươi mốt kiếp thường được sanh nơi lành, dần dần xả bỏ các việc xấu ác, mỗi ngày tăng thêm phước lành. Nay được gặp Ta, xuất gia tu đạo, chứng quả vị A-la-hán, ở trong loài người được mắt thiên nhãn thấu suốt đệ nhất. Hướng nữa là người xả bỏ sanh tâm cúng đèn trước Phật thì phước đức khó có thể tính kể. Lại trong luận Trí độ dạy: Nếu có người trộm cắp ngọc quý và đèn trong tháp Phật thì chết bị đọa địa ngục, nếu sanh làm người thì đời đời bị mù.

Trong kinh Quán Đảnh dạy, Bồ tát Cứu Thoát bạch Phật: Nếu có thiện nam thiện nữ nào bị đầu ốm, gây yếu liệt giường không thể cứu chữa, nay ta sẽ cung thỉnh chư Tăng, trong bảy ngày đêm nhất tâm giữ gìn tám giới, tu tập sáu thời, đọc tụng kinh điển bốn mươi chín biến, siêng năng đốt đèn bảy tầng, treo cờ thần năm màu để nối tiếp mạng sống.

Tôn giả A Nan hỏi: Đèn cờ nối tiếp mạng sống làm như thế nào?

Bồ tát Cứu Thoát trả lời: Cờ thần dài bốn mươi chín thước, đèn cũng như vậy, đèn bảy tầng mỗi tầng bảy ngọn, như bánh xe. Nếu có người gặp nạn bị trói trong lao ngục, cũng nên vì họ làm cờ đèn, xả bỏ các tài vật cho chúng sanh đến bốn mươi ngày thì có thể thoát khỏi nạn nguy hiểm, không bị các quỷ thần hung dữ giam trói. Trong kinh Siêu nhật minh Tam muội dạy: Vua mặt trời cùng vô số trời người đến chỗ Phật cúi đầu thưa: Do thực hành gì mà được mặt trời chiếu khắp thiên hạ? Lại do nhân duyên gì mà mặt trăng chiếu sáng trừ những nơi tối tăm?

Đức Phật dạy: Có bốn việc: Một là vui vẻ bố thí. Hai là không sân giận. Ba là giữ gìn giới luật không phạm. Bốn là thắp đèn trong chùa Phật. Hoặc đối với Sa-môn, cha mẹ và đạo nhơn thì đều được ánh sáng đó, lại tu tập mười điều thiện thân, khẩu, ý như không sát sanh... Đức Phật dạy: Lại có bốn việc để được làm vua mặt trăng: Một là bố thí cho người nghèo thiếu. Hai là giữ gìn năm giới. Ba là cung kính Tam bảo. Bốn là thắp đèn nơi tối như vua, cha, thầy.

Lại trong luật Tăng kỳ Đức Phật dạy: Từ nay cho phép thắp đèn thì đặt lửa một bên rồi dần dần thắp lên. Trước nên thắp đèn sáng ở Xá lợi và hình tượng Phật. Lễ bái trước rồi mới theo thứ lớp mà thắp, ngoài những nơi tắt ra thì không được tắt. Nên bảo các Đại đức muốn tắt đèn thì không được dùng miệng thổi mà chỉ được phép dùng tay và y quạt tắt. Phải cầm đuốc đi để khỏi vấp ngã, đến nơi không được vào liền, nên thưa với chư Đại đức có đèn vào, nếu cho phép mới được vào, nếu

không như vậy thì mắc tội việc oai nghi.

Lại trong Tam Thiên Oai Nghi dạy: Thắp đèn có năm cách. Một là phải lấy khăn sạch lau trong ngoài sạch sẽ. Hai là nên làm tim cho sạch. Ba là nên tự làm dầu mè. Bốn là rót dầu không được quá đầy cũng không được quá ít. Năm là phải để nơi cố định, không nên treo giữa đường làm chướng ngại người đi.

Lại Ngũ Bách Vấn Sự dạy: Để duy trì ánh sáng của Phật, ban ngày không được tắt, Đức Phật thì không có sáng tối, vì vốn không có giới hạn ngôn niệm, nên tắt thì có tội. Đại sư Tam tạng Ba Phả đời Đại đường dạy: Đèn trước Phật không được lấy đi đâu, nếu lấy đặt một bên mà không mất đi ánh sáng thì được.

#### ***Thứ 4: Duyên treo cờ***

Như trong kinh Ca Diếp Ngữ A Nan dạy: Xưa vua A-dục tự ở trong khuôn viên mà xây dựng một ngàn hai trăm tháp, sau khi vua bệnh nặng có một Sa-môn đến thăm. Vua thưa: Trước một ngàn hai trăm tháp đều nên may cờ bằng sợi chỉ vàng, muốn tự tay treo cờ, tung hoa mới thành tựu biện tài, nhưng đã bị bệnh nặng, sợ không được toại nguyện.

Vị Sa-môn liền bảo vua: Trẫm mong cầu thì hãy chấp tay nhất tâm, Sa-môn liền hiện thần thông, một ngàn hai trăm tháp hiện ra trước mặt vua ngay.

Nhà vua thấy vậy rất vui mừng, liền bảo người lấy cờ, hoa bằng vàng để treo lên cột chùa tháp, những chỗ cao hay thấp đều do vua làm hết. Khi vua đã hoàn thành bốn nguyện thì bệnh trở lại, liền phát nguyện lớn, nên mạng sống kéo dài hơn hai mươi lăm năm, gọi là thần cờ tiếp nối mạng sống. Lại trong kinh Phổ Quang dạy: Nếu bốn chúng nam nữ lúc lâm chung, hoặc đã qua đời, ở trong ngày mất ấy mà may cờ vàng, rồi treo trên cột thì được phước đức, sẽ xa lìa tám nạn khổ được sanh vào cõi tịnh của chư Phật mười phương. Cúng dường cờ, lọng tùy theo tâm đã phát nguyện thì chứng quả vị Bồ đề. Cờ theo gió tung bay sẽ phá tan tất cả thành các bụi trần, mỗi lần cờ bay thì ngôi vị của Luân vương thay đổi, cho đến thổi đi bụi trần thì ngôi vị của vua nhỏ được phước báo vô lượng. Đốt đèn cúng dường chiếu sáng những nơi tối tăm thì bệnh khổ của chúng sanh nhờ ánh sáng ấy mà được thấy nhau. Do phước đức này mà làm dứt khổ cho chúng sanh.

Hỏi: Trong kinh gì nói vì người chết mà làm cờ vàng treo ở tháp cao?

Đáp: Tuy chưa thấy kinh gì giải thích, nhưng có thể dựa vào nghĩa



mong cầu. Trong năm màu sắc chính, màu vàng ở giữa là biểu thị sự trung thành, dốc hết lòng tu tập phước đức để dẫn thân trung ấm không rơi vào đường ác và những nơi thấp hèn. Lại màu vàng là tượng trưng cho vàng, quỷ thần ở chỗ tối sẽ lấy dùng. Ở đời thường dùng để cúng tế quỷ thần bằng cách cắt giấy trắng làm tiền, thì quỷ thần được đồng tiền trắng để dùng, nếu cắt giấy vàng làm tiền thì quỷ thần được đồng tiền vàng để chi tiêu.

Hỏi: Do đâu mà biết được?

Đáp: Theo Ký Minh Báo và Ký Minh Tường đã trình bày đầy đủ có thể biết được. Trong kinh Thí dụ dạy: Có người đào hầm cất lúa, lại có kẻ cướp lấy hết lúa của người chủ. Ông ấy đào hết cả hầm nhưng không thấy một hạt, mà chỉ thấy một con trùng, thân hình rất lớn, kéo đầu lên hỏi: Sao mày ăn hết lúa của ta? Mày là thần gì?

Con trùng trả lời người chủ: Người cùng ta đến ngã tư đường thì biết rõ ta. Người chủ giữ lời hứa cùng đến chỗ hẹn. Trên đường đi gặp một tên quan cỡi ngựa vàng, mặc y phục vàng tất cả đều màu vàng. Tên quan hỏi con trùng: Mày ăn trộm lúa sao lại ở đây? Người chủ mới biết kẻ trộm lúa và hỏi con trùng: Tên quan cỡi ngựa toàn màu vàng đó là ai?

Kẻ trộm lúa trả lời: Là toàn vàng ròng, để báo đáp lại việc đã ăn hết lúa của người chủ. Do đây mà người được vàng, xài không bao giờ hết. Thật là do cỡi người và quỷ khác nhau nên cảm nhận không đồng. Vì vậy, bậc Thánh chế ra cờ màu vàng để treo trên tháp lớn của người chết, khiến cho quỷ thần thấy được liền cứu giúp cho những kẻ nơi tối tăm thiếu thốn.

Trong kinh Bách DUYÊN dạy: Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế ở trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một trưởng giả nhà giàu có, tiền của vô lượng không thể tính kể, sanh được người con trai mãnh kiện, thù thắng hơn hẳn mọi người. Đứa bé lúc mới sanh, giữa hư không có một ngọn cờ lớn che kín trên thân, cha mẹ thấy thế rất vui mừng, vì vậy đặt tên là Ba-đa-ca. Năm tháng trưởng thành cầu xin Phật xuất gia, đắc quả A-la-hán, chứng ba minh, đạt sáu thông, đủ tám giải thoát. Tỳ-kheo thấy vậy, bạch Đức Phật: Vị Ba Đa Ca này đời trước gieo trồng phước gì mà sanh làm người được mãnh kiện hơn hẳn mọi người lại trên hư không có cờ lớn che khắp trên thân, được gặp Thế tôn xuất gia đắc đạo?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Ở đời quá khứ chín mươi một kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết bàn, khi đó có vua tên Bàn Đầu Mạc Đế thân nhật Xá lợi ấy, xây dựng bốn tháp báu cao một do tuần để cúng

dường. Khi ấy, có một người ở bên tháp đó mở hội bố thí lớn, làm lá cờ dài treo ở trên tháp, phát nguyện rồi đi. Do công đức này từ đây về sau, chín mươi mốt kiếp không đọa vào đường ác, ở trong hàng trời người thường có cờ lớn che phủ trên người ấy, hưởng thọ phước báo an lạc, đến nay gặp Ta xuất gia đắc đạo.

Lại trong kinh Bồ-tát Bốn Hạnh dạy: Xưa kia, khi Phật còn tại thế, Ngài cùng với A Nan và các Tỳ-kheo từ nước Uất-tỳ-la-duyên đi đến các xóm làng. Lúc ấy, trời rất nóng không có bóng mát. Lại có người giữ dê thấy Đức Phật đi qua nóng, nên phát khởi tâm tốt đan cỏ thành dù để che Đức Phật, cách đàn dê rất xa, liền bỏ dù xuống đất, trở lại bên đàn dê. Đức Phật mỉm cười bảo A Nan: Người chăn dê này do tâm cung kính mà lấy cỏ làm dù che cho Ta, nhờ công đức này mà trong mười ba kiếp không đọa vào đường ác, sanh vào nhà tôn quý trong hàng trời người vô cùng sung sướng, tự nhiên thường có dù bảy báu che trên thân, hết mười ba kiếp xuất gia tu đạo, thành Phật Bích chi gọi là A-nậu-bồ-đề. Kệ tụng:

*Nhàm chán cây vô minh Thích Lộc-uyển,  
Ba-nại Mới đi vào núi hương Trọn gặp thân  
không hoại. Hoa định nở quả trí  
Thần đèn chiếu Phạn thiên Cờ phước giống  
màu lụa Hương thơm hợp khói trầm. Uyển  
chuyển bay trên không Quyện xuống như sen  
hồng Sớm tối gió thổi đến  
Lại gặp nhân Luân vương. Nhìn theo không  
biết chán Cảm bạn lữ quay nhìn Trong sắc  
biết sao đến Được phước mạng sống lâu.*

CHỮ KINH TẬP YẾU (HẾT - QUYỂN  
4)

